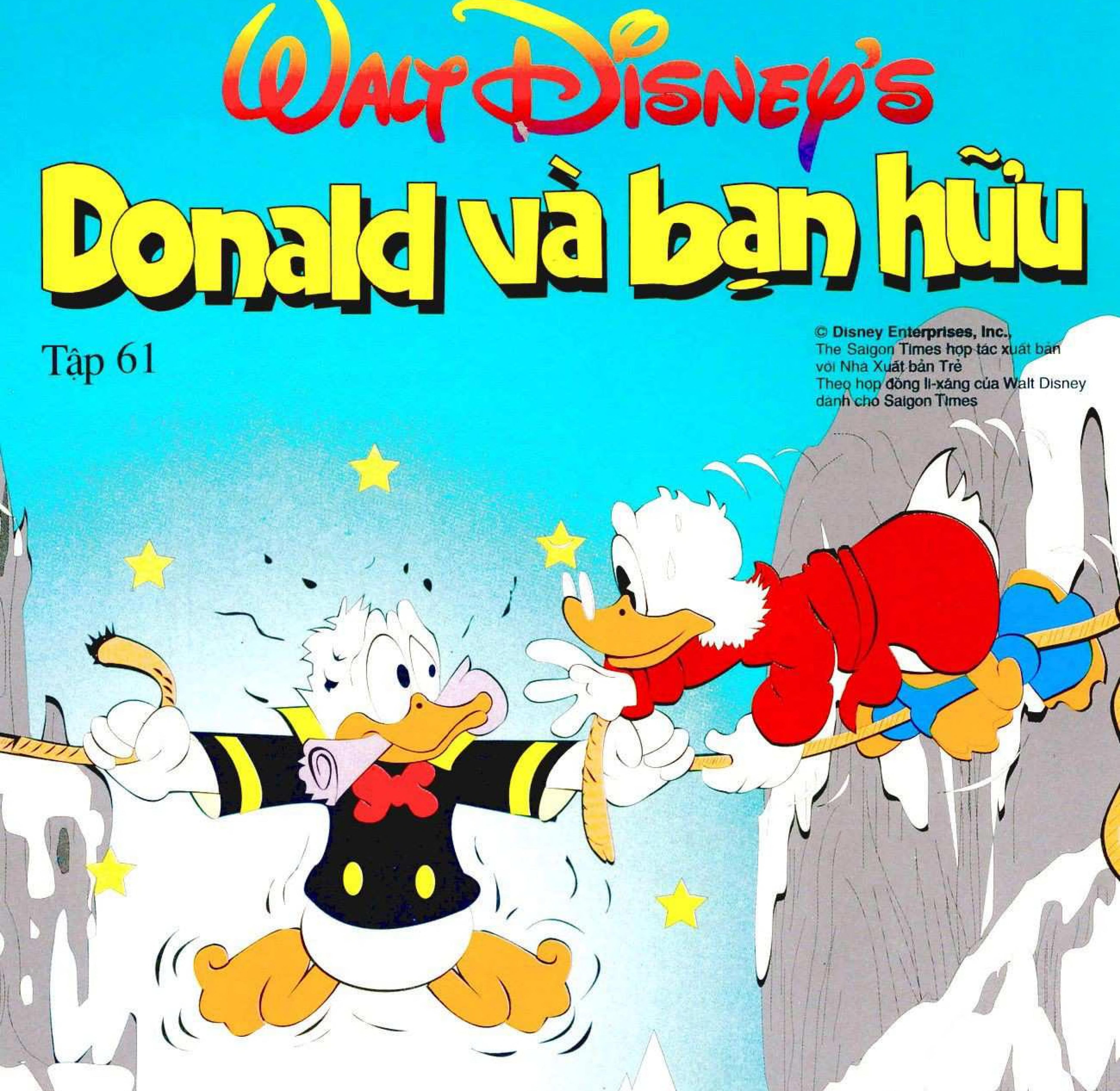
TRUYỆN TRANH SONG NGỮ VIỆT ANH

WALT DISNEY'S

Donald và bạn hữu

Tập 61

© Disney Enterprises, Inc.,
The Saigon Times hợp tác xuất bản
với Nhà Xuất bản Trẻ
Theo hợp đồng li-xăng của Walt Disney
dành cho Saigon Times



Vị vua cuối cùng của thành phố vàng

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
SaigonTimesGroup
THE SAIGON TIMES

https://tieulun.hopto.org

VỊT DAISY

Nàng công chúa và hạt đậu

Người dịch:
ĐÔNG QUỲNH

1. Vậy rồi tất cả bọn họ biết cô ấy là một nàng công chúa thực sự!

2. CÔNG CHÚA VÀ HẠT ĐẬU(*)

3. Và bây giờ thì, các công chúa nhỏ của dì, các cháu đi ngủ đi!

4. Vâng ạ, dì Daisy!

5. NÀNG CÔNG CHÚA VÀ HẠT ĐẬU

6. Chút sau...

7. Này, mấy cháu tính làm gì vậy hả?

8. Tụi cháu sẽ chồng tất cả nệm và mền mà tụi cháu kiếm được lên giường!

9. Rồi tụi cháu sẽ nhét hạt đậu này xuống dưới!

10. Ha, ha! Hay lắm, các cô, chừng nào mà các cô đừng có lấy nệm của dì đấy!

11. Sáng hôm sau...

12. Ô, trời! Mấy đứa trông ghê quá, các cháu! Bộ ngủ hổng ngon hả?

13. Đúng thế! Không ngủ ngon ạ!

14. Tụi cháu đau đớn, bầm tím và nhức nhối khắp mình mẩy!

15. Chắc không phải do cái hạt đậu bé xíu xiu đó chứ hả?

16. Không ạ, dì Daisy!

17. Nhưng mà, vì tụi cháu rớt khỏi giường suốt cả đêm!

1. So then they all knew she was a real princess!
2. THE PRINCESS ON THE PEA
3. And now, my little princesses, you're off to bed!
4. Sure, Auntie Daisy!
5. THE PRINCESS ON THE PEA
6. Shortly —
7. Say, what are you girls up to?
8. We're gonna put all the mattresses and quilts we can find on our bed!
9. Then we're gonna put this pea underneath them!
10. Ha, ha! Great idea, girls, as long as you don't take my mattress!
11. Next morning —
12. Oh, dear! You look terrible, girls! Haven't you slept well?
13. No! We have not!
14. We're sore, bruised and aching all over!
15. Surely it's not 'cause of that tiny, little pea?
16. Nope, Auntie Daisy!
17. But, 'cause we kept falling outta bed all night long!

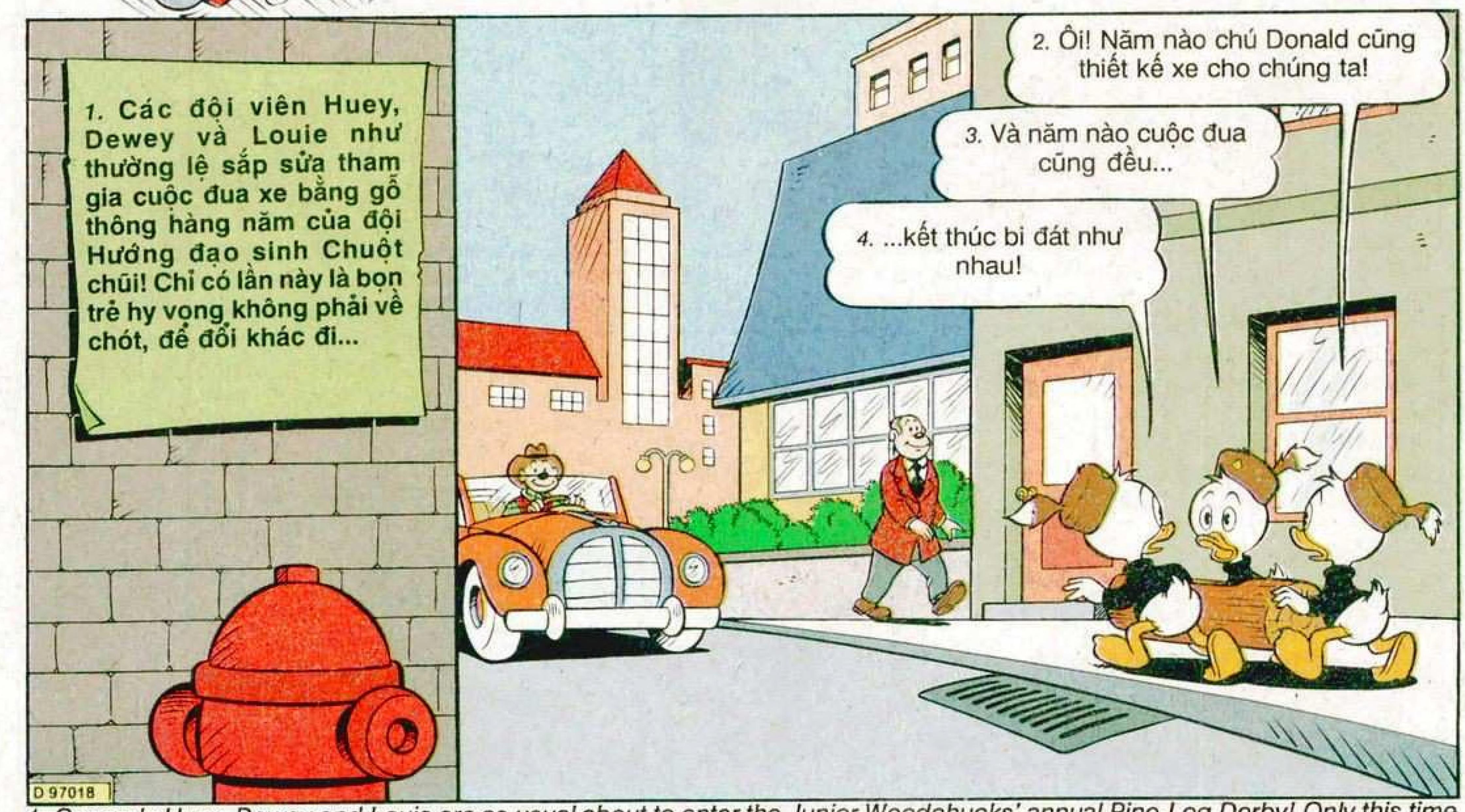
(*) Một câu chuyện cổ tích phương Tây kể rằng người ta để một hạt đậu nhỏ bên dưới ba lớp đệm cho một nàng công chúa ngủ và sáng hôm sau khi cô thức dậy bảo rằng cả đêm không ngủ ngon giấc thì người ta tin cô thực sự là một nàng công chúa.

https://tieulun.hopto.org

ĐỘI HƯỚNG ĐẠO SINH CHUỘT CHŨI

Xe đua bằng gỗ thông

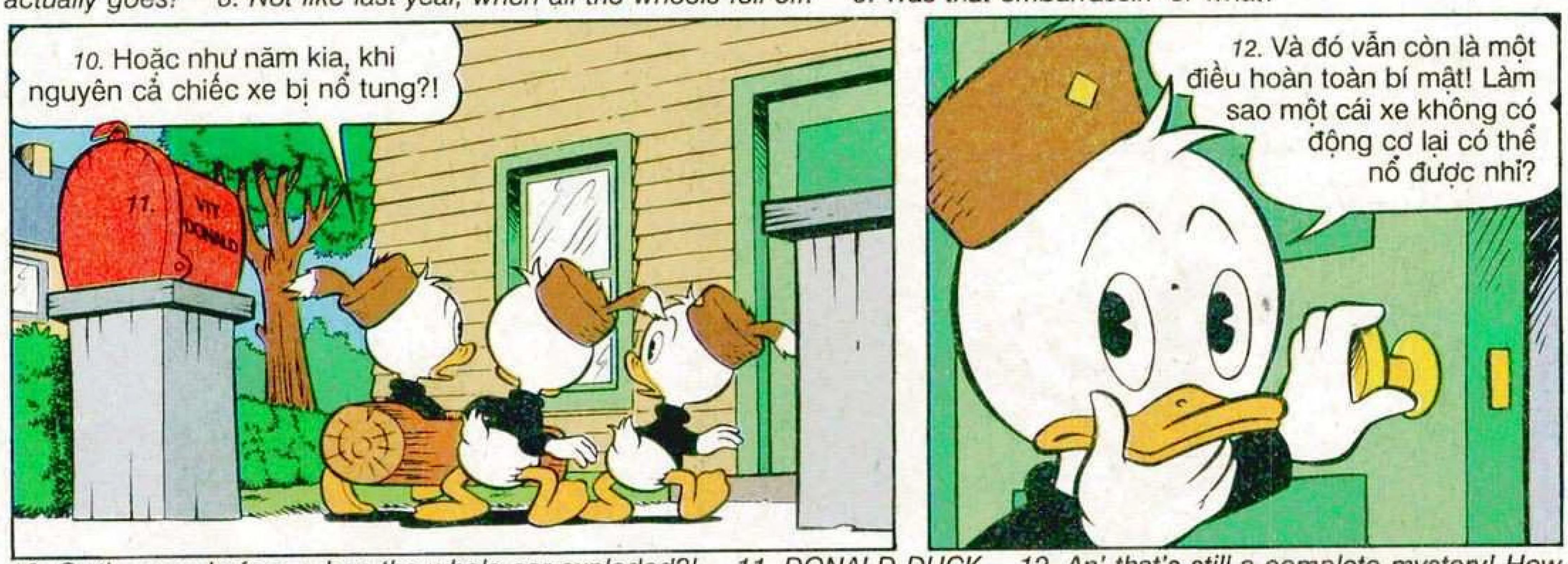
Người dịch: NHẬT HỒNG



1. Generals Huey, Dewey and Louie are as usual about to enter the Junior Woodchucks' annual Pine-Log Derby! Only this time they're hoping not to finish last, just for a change — 2. >Sigh!< Every single year Unca Donald designs out car! 3. An' every single year the race ends... 4. ...wish the same sad result for us!



5. But this time it's gonna be a different story! 6. Yeah! We're tired of bein' losers! 7. For once we're gonna have a car that actually goes! 8. Not like last year, when all the wheels fell off! 9. Was that embarrassin' or what?



10. Or the year before, when the whole car exploded?! 11. DONALD DUCK 12. An' that's still a complete mystery! How could a car without an engine explode?

https://tieulun.hopto.org

13. Được rồi, các cậu, lần này tụi mình sẽ tự thiết kế xe của tụi mình!

14. Và hy vọng nó sẽ không bò chậm như sên!

15. Hay là rã ra thành từng mảnh trước cả khi chúng ta tới cuộc thi!

16. Vả lại, thậm chí dù tụi mình có thua đi nữa, thì tụi mình cũng thấy thỏa mãn vì đã dành cho nó toàn bộ nỗ lực của chúng ta!

13. Well, guys, this time we're gonna design our own car! 14. An' hopefully it won't go at a snail's space! 15. Or fall to pieces before we even get there! 16. Besides, even if we do lose, we'll have the satisfaction of knowin' we gave it our very own best shot!

17. Các cậu bé bỏ ra hàng giờ nghiên cứu và làm việc cật lực để thiết kế rồi lắp ráp nên chiếc xe hơi bằng gỗ thông của chúng...

18. Chu vi của khúc gỗ chính xác là 63,5 cm!

19. Và chiều dài chính xác của nó là 61,5cm!

20. Rồi!

21. Góc 42 độ này sẽ tạo ra một khí động lực thật chuẩn đẩy tốc độ xe tăng một cách đáng kể!

22.

CÁC SƠ ĐỒ XE HƠI BẰNG GỖ THÔNG HOÀN HẢO

17. The boys put hours of research and hard work into designing and building their pine-log car — 18. The log's circumference is precisely 63,5 cm! 19. An' its length is exactly 61,5 cm! 20. Check! 21. This 42 degree angle, should make it aerodynamically accurate, increasin' its speed considerably! 22. PERFECT PLANS FOR PINE-LOG CAR

23. Nhưng chú Donald tội nghiệp thì không được hài lòng lắm về việc bị loại ra ngoài cuộc...

24. Tụi bay làm vậy là sao hả? Chú đã chờ đợi dịp này cả năm nay mà!

25. Chú biết chú đã làm hỏng một vài lần, nhưng hãy cho chú thêm một cơ hội khác đi!

26. Không đời nào!

23. But poor Donald is less than pleased about being excluded — 24. Whaddaya mean? I've been lookin' forward to this all year! 25. I know I messed up a few times, but please give me another chance! 26. Nope!

27. Gừ! Mình không thèm lãng phí tài năng của mình cho lũ nhóc vô ơn bạc nghĩa này!

28. Mình sẽ làm cho tụi nó phải hối hận vì đã ngăn cản mình một khi tìm được đứa Hướng đạo sinh nào khác hiểu giá trị tài năng của mình!

27. Grr! I certainly won't waste my talents on those little ingrates! 28. I'll take them regret ever havin' thwarted me when I find a Woodchuck who appreciates my skills!

https://tieulun.hopto.org

29. Mình phải ra tay liền mới được! Ngày mai cuộc đua bắt đầu rồi! Hừm! Mình kiếm đâu ra một đứa Hướng đạo sinh để lái cái xe hơi của mình đây?

30. Nhưng tại sao lại phải chia sẻ sự vinh quang này nhỉ? Mình vừa nảy ra một sáng kiến!

29. I gotta work fast! The race is tomorrow, already! Hmm! Where am I gonna find a Woodchuck to drive my car? 30. But why share the glory? I've just had a bright idea!

31. **Và sau một đêm làm việc cật lực...**

32. Nó có vẻ giống như một vật nhỏ bé tầm thường, nhưng ái chà, đó sẽ là khúc gỗ chạy nhanh nhất!

33. DINH

34. BÙ LOONG

35. Và tốc độ đáng kinh ngạc của nó là nhờ toàn bộ những viên đạn chì nặng được đổ đầy vào trong chỗ rỗng của xe!

31. And after a hard night's work — 32. It may look puny an' insignificant, but by golly, that's gonna be one speedy li'l ol' log! 33. NAILS 34. BOLTS 35. An' the reason for its amazin' speed is gonna be all these heavy, lead pellets fillin' up its hollow interior!

36. Chính xác là 1.500 pao đạn chì! Hê hê!

37. **Sau đó, từ khắp mọi nơi, Hướng đạo sinh Chuột chũi đã tụ họp tại buổi lễ khai mạc cuộc đua lớn này...**

38. Chà! Thủ lĩnh cao quý đã mang theo chiếc xe cổ của anh vì trân trọng cuộc thi này!

39. PHÒNG HỌP CỦA ĐỘI CHUỘT CHŨI

40. **(*) Thủ lĩnh của những cuộc đua và cuộc thi đấu cực kỳ cao quý**

41. Đăng ký ở đây nè, cậu bé! Tôi cần tên, tuổi và chỗ ở!

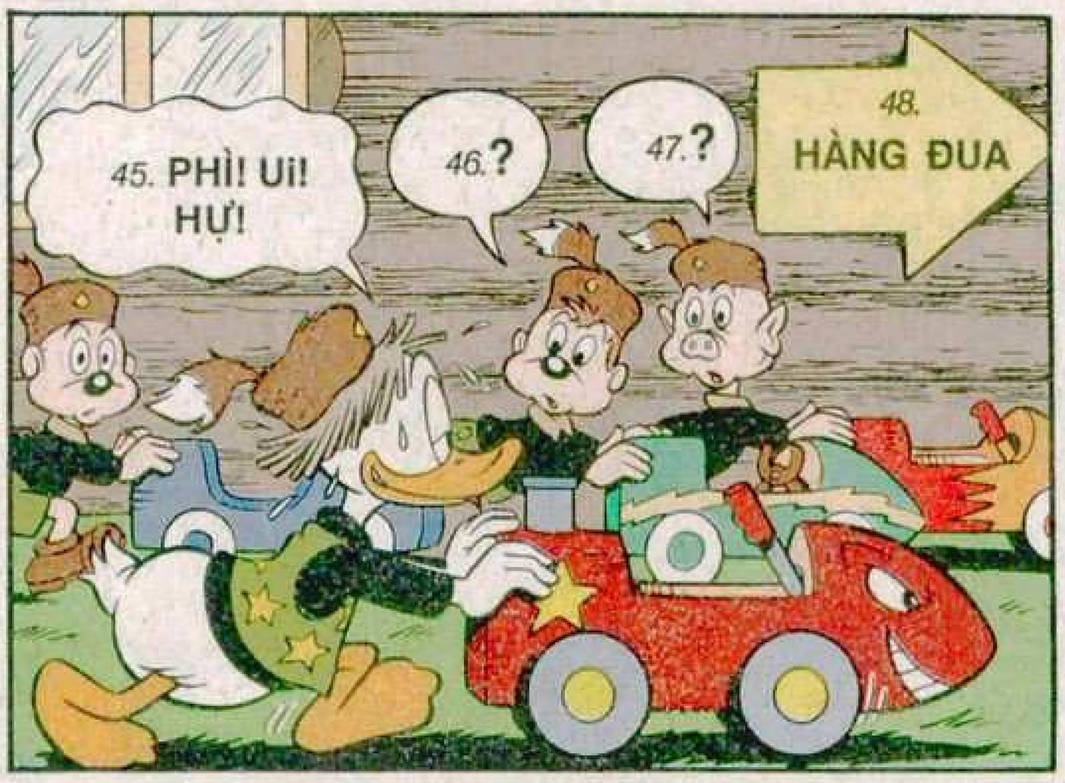
42. CUỘC ĐUA XE BẰNG GỖ THÔNG CỦA ĐỘI HƯỚNG ĐẠO SINH CHUỘT CHŨI

43. Như vậy, cậu tên là Vịt Dunwell, 9 tuổi và cậu đến từ thành phố Hogwash xa xôi ư?

44. Vâng, thưa ông! Trẻ con ở Hogwash đều lớn xác như vậy!

36. 1500 lbs of buckshot to be exact! Heh, heh! 37. So, from near and far Junior Woodchucks gather at the opening ceremony of the great race — 38. Wow! Great L.O.G.H.EA.D.(*) has brought his vintage car along in honour of the event! 39. WOODCHUCK LODGE 40. (*) Leader Of Greatly Honourable Events And Derbies. 41. Register here, son! I need your name, age and hometown! 42. JUNIOR WOODCHUCK PINE-LOG DERBY 43. So, your name's Dunwell Duck, you're nine years old and you come from distant Hogwash? 44. Yes, sir! Kids in Hogwash grow mighty big!

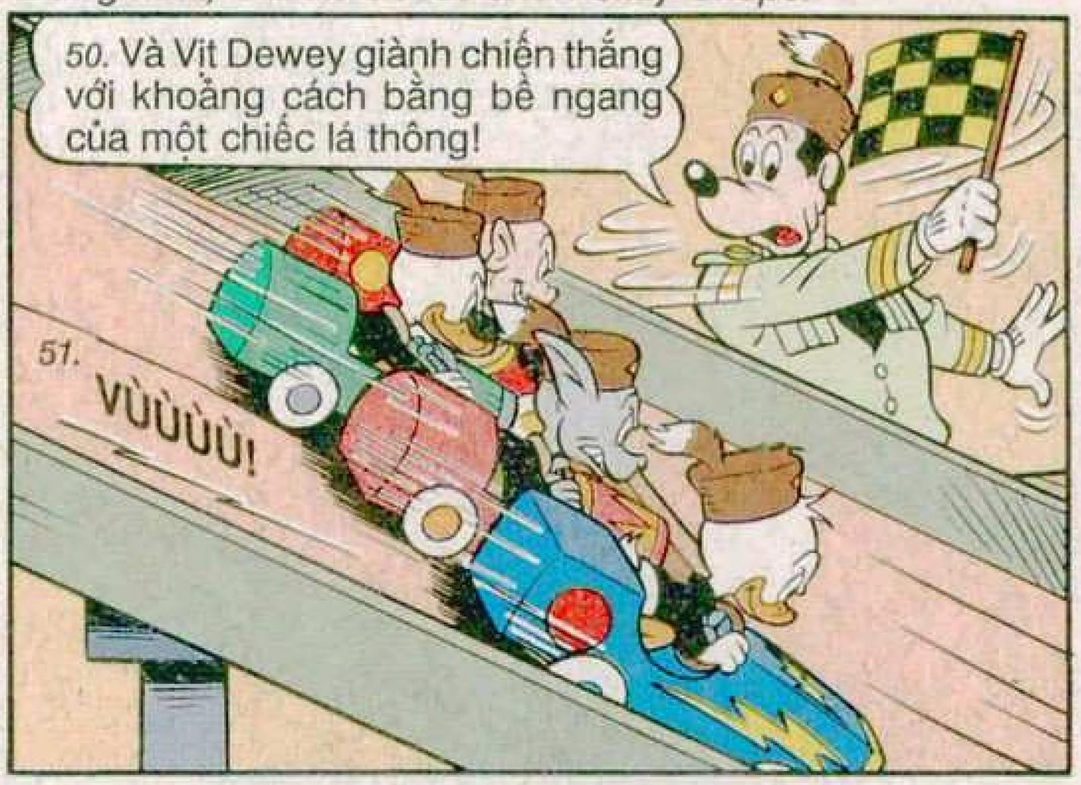
https://tieulun.hopto.org



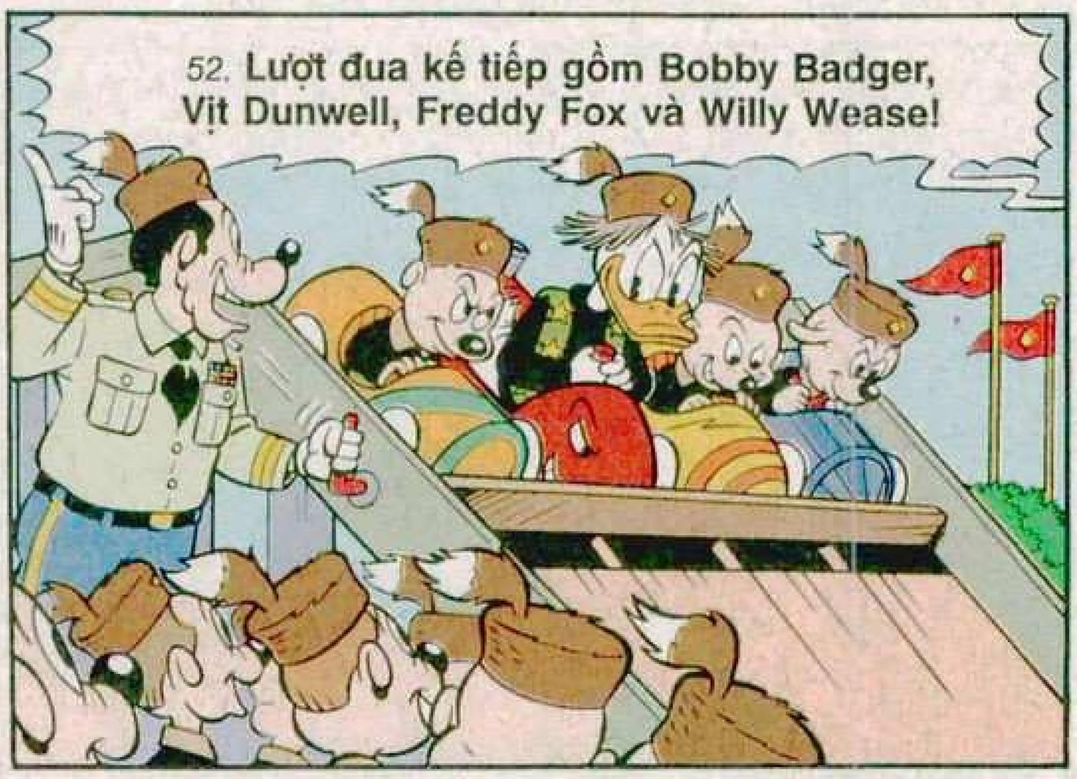
45. PUFF! Groan! PANT! 46. ? 47. ? 48. LINE UP FOR RACE

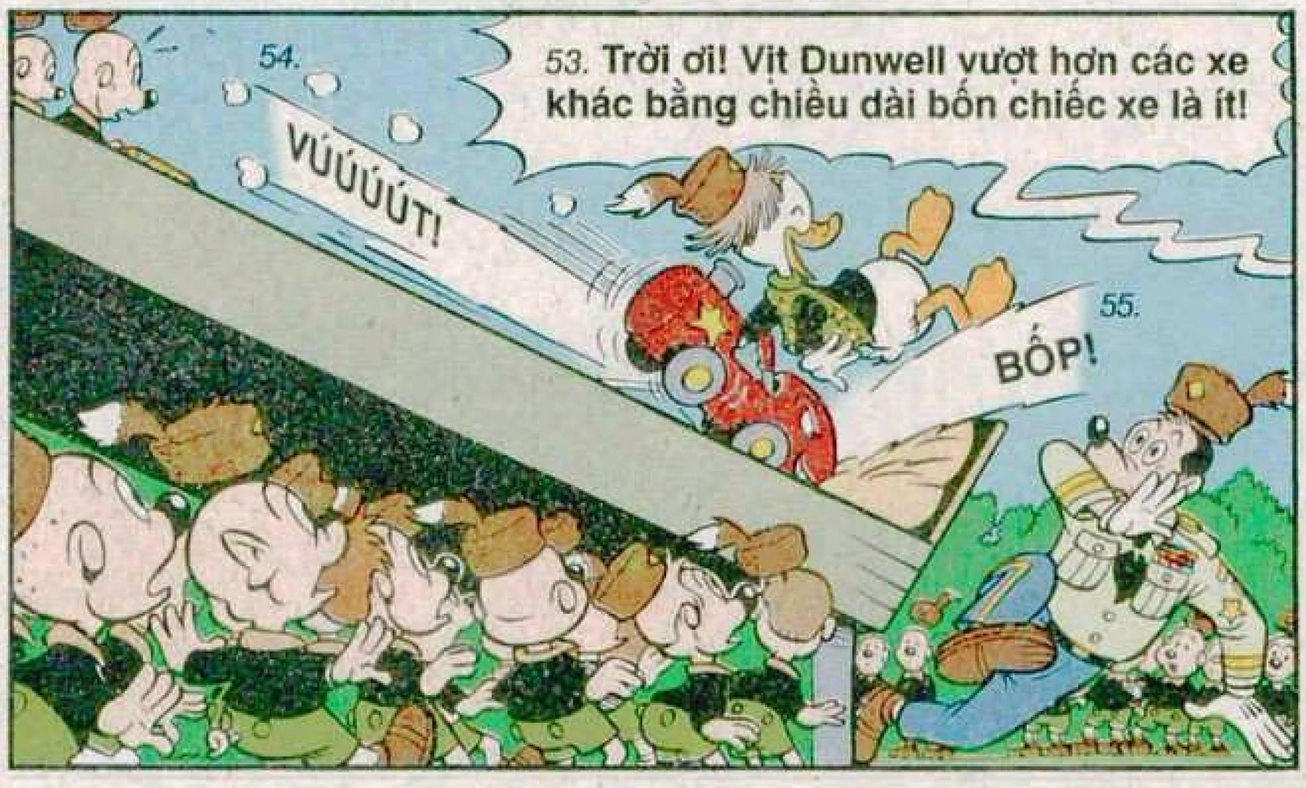


49. Partakin' in our first heat are — Dewey Duck, Danny Dawgmeat, Gilbert Goose and Porkly Chops!



50. An' Dewey Duck wins by the breadth of a pine needle! 51. WHIIIIZZ! 52. In the next heat we have Bobby Badger, Dunwell Duck, Freddy Fox and Willy Weasel!







53. Great Scott! Dunwell Duck wins by at least four pine-log lengths! 54. ZOOOOOOM! 55. THONK! 56. After a great many heats, four worthy contestants are singled out to partake in the final, winner-take-all race! 57. But so far "Dunwell's" lead-laden pine-log car seems completely unbeatable!





58. Hmm! I think I'll just add a few extra lbs of buckshot to my trusty car, just in case! 59. LA-DEE-DA! 60. RATTLE! 61. Will our four finalists, Dewey Duck, Billy Beaver, Dunwell Duck and Charlie Choo-Choo please line up! 62. 1st PRIZE

https://tieulun.hopto.org

63. Nhớ đấy, các bạn trẻ, người giành chiến thắng của cuộc đua này sẽ được nhận chiếc cúp vô địch tuyệt vời! Chuẩn bị... Bắt đầu...

64. PHÓNG!

65. VÙÙÙÙÙ!

63. Remember, boys, the winner of this race receives the magnificent 1st Prize Trophy! On your marks... Get set... 64. GO!
65. ZOOOOM!

66. Mình thắng rồi!

67. Lạy Chúa, chuyện gì đang xảy ra vậy?

68. Thằng đó là ai vậy?

69. Chẳng biết nữa! Nhưng trông hắn quen quen thế nào ấy!

70. VÚÚÚT!

71. RẦM!

66. I WIN! 67. Good grief! What's happenin'? 68. Who is that guy? 69. Dunno! But he looks familiar somehow!
70. SWOOSH! 71. WHAM!

72. Ôi, đừng! Hắn phóng tới chỗ chiếc xe cổ của tôi!

73. ÁÁÁ!

74. Đậu xe tại chỗ này thật là ngu xuẩn!

75. CỐP!

76. BUM!

72. Oh, no! He's headed for my vintage car!
73. AAARGH!
74. That sure was a dumb place to park! 75. CLANG! 76. BANG!

77. Í ẹ! Lẽ ra mình phải đặt thắng lên chiếc xe này!

78. Và những cái cánh!

79. ÁÁÁÁ!

80. VÚÚT!

77. Yikes! I guess I shoulda put brakes on this thing! 78. An' wings! 79. AAAAAARGH! 80. SWOOOP!

https://tieulun.hopto.org

81. Vậy là, xe của "Dunwell" đã chìm xuống như là một quả cầu bằng chì cùng với những cơ hội giành chiến thắng cuộc đua...

82. ÙÙÙM!

81. So, "Dunwell's" car sinks like a lead balloon, and with it his chances of winning the race — 82. SPLOOOSH!

83. Và sau đó, ba buổi lễ hết sức khác nhau của đội Hướng đạo sinh Chuột chũi đã được tiến hành...

84. Trước hết, tôi hãnh diện trao tặng cho ba đội viên Huey, Dewey và Louie cúp vô địch cuộc thi xe đua bằng gỗ thông năm nay!

85. Và thứ hai, tôi xin hân hạnh được trao huân chương cứu mạng cho ba đội viên Huey, Dewey và Louie vì lòng dũng cảm đã cứu sống Vịt Dunwell!

86. Cuối cùng, tôi thật lấy làm hổ thẹn phải loại Vịt Dunwell ra khỏi hàng ngũ đội viên vì gian lận!

87. XOẠT!

88. Cậu ta là đội viên Hướng đạo sinh Chuột chũi đầu tiên bị loại ra một cách đáng hổ thẹn như vậy trong lịch sử, người mà thậm chí chưa bao giờ là một đội viên Hướng đạo sinh Chuột chũi cả!

89. Lại là chú Donald!

83. And later, three very different Junior Woodchuck ceremonies take place — 84. Firstly, I'm proud to award Generals Huey, Dewey and Louie with the 1st Prize Trophy for winnin' this year's Pine-log Derby! 85. An' secondly, it's my esteemed privilege to award Generals Huey, Dewey and Louie with these lifesavin' medals for their brave rescue of Dunwell Duck! 86. Finally, I've the unpleasant duty of dishonourably dischargin' Trooper Dunwell Duck for cheatin'! 87. SCRUNCH! 88. He's the first dishonourably discharged Woodchuck in history who was never even a Woodchuck to begin with! 89. Typical Unca Donald!

https://tieulun.hopto.org

BÁC SCROOGE

Vị vua cuối cùng của thành phố vàng

Người dịch: VIỆT DŨNG

1. Chuẩn bị, dừng lại!
2. Buông lái!
3. Ngưng đẩy!
4. Mở dây lèo!
5. Buông neo xuống!
6. Đạp thắng!
7. NGỖNG VÀNG 3

8. Hừ! Dẹp cái trò báo động nhanh nhảu đó đi, cháu!
9. Thưa bác thuyền trưởng, tại sao lại dừng lại ạ?
10. Vì mấy đứa cháu vừa mới rửa sạch mớ đồng tám xu bằng bạc chúng ta trục lên được từ thuyền buồm chở kho báu Tây Ban Nha sáng nay...
11. ...và ta nóng lòng muốn dìm mình vào nó ngay! Tránh sang bên, mấy cháu!
12. Khoan đã, bác Scrooge! Bác không thể...
13. Thôi đi, nhóc! Cháu đã từng thấy bác lao xuống đống tiền rồi mà! Sở trường của bác đó!
14. A!
15. COONG!

1. *Stand by to come to!*
2. *Down helm!*
3. *Close haul!*
4. *Cast off the sheets!*
5. *Let go the anchor!*
6. *Hit the brakes!*
7. *THE GOLDEN GOOSE III*
8. *>Hmph!< Stop being such a smart aleck, nephew!*
9. *Why are we stopping, Uncle Captain, sir?*
10. *Because your nephews have just finished cleaning the silver "pieces of eight" we salvaged off that Spanish treasure galleon this morning...*
11. *...and I can't wait to take a quick dip in them! One side, boys!*
12. *Wait, Unca Scrooge! You can't —*
13. *Nonsense, lad! You've seen me dive into coins before! I've got a knack for it!*
14. *Ah!*
15. *KONK!*

https://tieulun.hopto.org

16. Mớ tiền này đã nằm dưới biển từ hơn 400 năm rồi, bác Scrooge! Chúng đóng cục thành khối cứng ngắc hà!

17. Ồ đúng vậy... ta quá phấn khích nên quên mất điều này!

18. KÍT KÍT

19. Mình phải tìm ra những đồng tiền vàng! Vàng không bao giờ bị phân hủy!

20. Vậy thì cháu có tin vui cho bác đây, bác Scrooge!

21. Theo bản sao hải đồ trục vớt của thế kỷ 17, chúng ta đang ở gần vị trí của một chiếc thuyền Tây Ban Nha bị chìm khác!

22. Hay lắm! Cho tới nay, những hải đồ của thuyền trưởng Melian luôn tỏ ra chính xác! Thảo nào ông ta phụ trách hạm đội trục vớt kho tàng của vua Philip Đệ tứ!

23. Đúng vậy!

24. Xui cho vua Phil là Melian lại không có những thiết bị lặn hiện đại của tụi mình! Ông chỉ có thể xác định vị trí những chiếc tàu đắm mà không trục vớt chúng lên được!

25. Hải đồ này bị chìm cùng với kỳ hạm của Melian vào năm 1655 và bị quên lãng cho tới khi chúng ta tìm ra nó năm ngoái ! Giờ thì việc trục vớt các kho tàng ở vùng bờ biển đông bắc của Nam Mỹ là chuyện chắc ăn rồi!

26. **Ta biết hết rồi!** Cháu làm chuyện gì vậy — thuyết minh, tóm tắt cho một cuốn truyện tranh tôi phải không?

27. Coi nè, bác Scrooge! Hải đồ của bác lại chỉ đúng kho tiền nữa rồi nè!

28. Sao ta thích nghe câu đó quá! Để coi!

29. Đúng rồi... cái đống dưới đáy biển kia phải là xác một con tàu xa xưa khác! Hãy hy vọng nó là một thuyền buồm chở kho báu đi!

16. Those coins have been in the sea for over 400 years, Unca Scrooge! They're fused into a solid mass!
17. Oh, yeah... my excitement made me forget that little fact!
18. SQUEAK SQUEAK
19. We need to find some gold coins! Gold never decomposes!
20. Then maybe I have some good news for you, Unca Scrooge!
21. According to your photostat of that 17th century salvage chart, we happen to be near the site of another sunken Spanish ship!
22. Great! So far, Captain Melian's chart has been accurate! No wonder he was in charge of King Philip IV's treasure-salvage fleet!
23. Yeah!
24. Too bad for King Phil that Melian didn't have our modern diving equipment! All he could do was chart the locations of the wrecks, not actually salvage the treasure!
25. The chart sank with Melian's flagship in 1655 and was forgotten until we found it last year! Now salvaging the treasures of the Spanish Main is a cinch!
26. I know all that! What are you — a recap caption in some silly comic book?
27. Look, Unca Scrooge! Your chart is right on the money again!
28. An expression I like to hear! Let's see!
29. Yes... that lump in the seabed must be another ancient wreck! Let's hope it's a treasure galleon!

https://tieulun.hopto.org

30. Đội thợ lặn sẵn sàng chưa?

31. Không những sẵn sàng, chú ấy còn xuống được nửa cầu thang rồi và đang kêu ca đây!

32. >Gừừ! < Đội thợ lặn thiệt sẽ biến mất tiêu nếu bác Scrooge chỉ trả có 30 xu một giờ!

33. Hãy cố tìm ra manh mối của lý lịch con tàu! Rồi ta sẽ tra trong nhật ký hàng hải của những hạm đội chở kho báu ngày xưa để biết nó chở hàng gì !

34. RADIO

35. **Biết rồi**, nói hoài!

36. Bác gặp may rồi! Cháu đã tìm thấy một bảng tên bằng đồng có ghi "Dukatenese"! Tiếng Tây Ban Nha phải không?

37. Không — tiếng Đức! Bác phải tìm nó trong bộ nhật ký xưa khác!

38. Đây rồi... "Dukatenese "! — mất tích năm 1581 trên đường từ Venezeula về... một tàu chở hành khách! **Chết tiệt!!!**

39. Khoan đã! Máy dò kim loại vừa tìm ra một cái gì đó!

40. Chỉ có một miếng thôi... nhưng bằng vàng!

41. Cái gì vậy? Cái gì vậy?

42. Nó là một loại thẻ bài có hình vẽ gã nào đó với nhiều hàng chữ tiếng Đức!

43. Còn gì nữa? Gì nữa?

44. À, phía sau còn có hình chạm khắc nữa!

45. Khắc gì? Khắc gì vậy?

46. Hơ... giống như một loại cá lớn!

47. Ô... xin lỗi... không phải hình chạm khắc! Nó chỉ là hình phản chiếu của...

48. Uuuu-ôôô.....

30. Is the dive team ready?
31. Not only is he ready, he's halfway down the ladder and already griping!
32. >Grumble!< A real dive team would quit if Uncle Scrooge tried to pay them only 30¢ an hour!
33. Try to find some clue to the ship's identity! Then I can check my logs of the old treasure fleets to see what its cargo was!
34. RADIO
35. I know the routine!

36. You're in luck! I already found a brass nameplate reading "Dukatenese!"! Is that Spanish?
37. No — it's German! I'll need to look in a different set of old logs!
38. Here it is... the "Dukatenese!" — lost in 1581 en route from Venezeula... a passenger ship! Drat!!!
39. Wait! The metal detector is picking up something else!
40. Just one piece... but it's gold!
41. Whatizzit? Whatizzit?

42. It's some sort of plaque with some guy's picture and lots of German writing!
43. What else? What else?
44. Well, there's an engraving on the back side, too!
45. Of what? Of what?
46. Hm... it looks like some kinda big fish!
47. Oh... sorry... that's not an engraving! It's only a reflection of...
48. Wuuuuh-oooooh...

https://tieulun.hopto.org

49. Xảy ra chuyện gì vậy? Chú Donald có sao không?!

50. Bác cho rằng chú ấy đang trồi lên!

51. Phải, chú ấy đang trồi thẳng lên và có vẻ khích động! Bác cá là nó tìm được cái gì đó rất đặc biệt!

52. Không, nó — Ê! Mọi thứ trở nên tối đen vậy!

53. Trời ơi! **Bác Scrooge!**

54. Sao? Cháu làm gì...

55. PHẬP!

56. Đồ khốn kiếp! Thiết bị quan sát này ta mua hết 2 đô-la ở Key West năm 1913!

57. Nè! Chụp lấy trước khi chú làm rớt nó!

58. Tốt quá xá! Theo như bác biết thì nó thuộc về nhà băng! Đây là dấu niêm phong của "The Welser of Ausburg", một nhà băng của Đức tồn tại suốt kỷ nguyên thám hiểm!

59. Bác có thể đọc được câu viết trên đó chứ?

60. Được chứ! "Công ty Welser của Augsburg được thành lập và tuyên thệ ở đây, ở Tân Granada, tại nơi cao nhất của những hồ linh thiêng, vào ngày 21 tháng 2 năm 1539"!

61. Vậy nghĩa là sao?

62. >Phù!< Nghĩa là ngay từ 400 năm trước, bọn xỏ lá đã biết chôm bảng hiệu trước các cửa tiệm à ?

63. Có thể lắm...

%☆@#!

64. ...hay cũng có thể nó mang ý nghĩa lớn hơn nhiều!

65. Ồ! Huyền bí vậy sao?

66. Đủ huyền bí để buộc chúng ta lên đường sang Đức!

49. What's happening? Is Unca Donald okay?!
50. I think I see him coming to the surface!
51. Yes, he's swimming straight up, and he looks excited! I bet he found something extra special!
52. No, he — Hey! Everything went black!
53. Omigosh! Unca Scrooge!
54. Yes? What do you —
55. SNAP!
56. Daggonnit! That viewer cost me $2 in Key West in 1913!
57. Here! Take this before I drop it!
58. Well well well! If I know one thing, it's banking! This is the seal of "the Welser of Augsburg", a German bank during the age of exploration!
59. Can you read the inscription?
60. Certainly! "Here is established and sworn the Welser Company of Augsburg, in New Granada, at the highest of the sacred lakes, on the 21st of February, 1539!"
61. What does that mean?
62. >Whew!< Maybe it means that even 400 years ago, pranksters were swiping signs off storefronts?
63. Maybe...
64. ...or maybe it means something much more significant!
65. Wow! Isn't it mysterious?
66. Mysterious enough to call for a trip to Germany!

https://tieulun.hopto.org

67. **Chẳng bao lâu sau, viên thám tử (*) của những nhà săn tìm kho báu biết được qua kho lưu trữ ở Berlin rằng ngân hàng Welser đã ngưng kinh doanh từ nhiều thế kỷ nay! Tuy nhiên, cuộc truy tìm dẫn tới một công ty cổ phần tài chính ở Nuremberg...**

68.

69. À, đúng vậy, công ty này sở hữu nhà băng Welser của Augsburg — đúng thế đấy!

70. Và cũng đúng thế, ông có bán nó không?

71. Dĩ nhiên! Bản thân nhà băng này chả có giá trị gì, nhưng tụi tui sẽ bán nó với giá, chẳng hạn như, một ngàn đô-la Mỹ!

72. **Ngã giá!** Tui... ơ...sưu tập nhà băng mà! Coi như thú tiêu khiển vậy!

73. CHÁT!

74. Nè, ông vừa mua một hiện vật lịch sử thứ thiệt đó! Ông có biết là vào năm 1519 nhà băng Welser đã cho vua Charles nước Tây Ban Nha mượn tiền hối lộ để ổng làm Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần Thánh không?

75. Phải... và khi nhà vua không thể trả nợ được, ông ta đã trao Guiana cho nhà băng Welser — nguyên cả phần đông bắc của Nam Mỹ!

76. Ông thật biết rõ các ngân hàng của ông!

77. Một nhà băng sở hữu cả một phần lục địa! Một giấc mơ của chủ nhà băng!

78. Bác vừa mua Venezuela phải không?

79. Không, nhà vua đã hủy bỏ phần thưởng đất cho Welser năm 1551!

80. Tuy nhiên, Welser vẫn còn sở hữu một chi nhánh ngân hàng đâu đó ở Nam Mỹ, nhưng hình như chưa bao giờ công ty biết được đích xác nó nằm đâu! Một tài sản không nhiều nhặn gì, phải không?

PA ZIFIK

81. NAM MỸ

82. Tui sẽ cho xác minh hồ sơ về nhà băng và kêu gửi tới đây ngày mai! Xin lỗi, tui phải thông báo cho ông chủ về vụ bán chác này!

83. Được rồi... vậy thì hẹn gặp lại!

84. Thưa ngài, chi nhánh Nuremberg đây! Tui vừa bán được một nhà băng vô dụng cho một tỉ phú tưng tửng người Mỹ!

85. Tuyệt lắm! Ai vậy?

86. Lão Scrooge McDuck!

87. Cái gì? Không được! **Ngưng lại!!!**

88. FLINTHEART GLOMGOLD

67. The Sherlock Holmes (*) of treasure hunters soon learns from records in Berlin that the Welser Bank has been out of business for centuries! However, the trail now points to a certain financial holding corporation in Nuremberg— 68. $ 69. Why, yes, this company owns the Welser Bank of Augsburg —such as it is! 70. And such as it is, is it for sale? 71. Of course! The bank itself is worthless, but we'll sell it for, let's say, one thousand American dollars! 72. Sold! I... uh... collect banks! Call it a hobby! 73. SLAP 74. Well, you just bought a real piece of history! Did you know that in 1519 the Welser loaned King Charles of Spain money for the bribe that made him Emperor of the Holy Roman Empire?! 75. Yes... and when the King couldn't pay off his loan, he gave the Welser Guiana — all of northeast South America! 76. You do know your banks! 77. A bank that owned part of a continent! A banker's dream! 78. Did you just buy Venezuela? 79. No! The king rescinded the Welser's land grant in 1551! 80. However, the Welser still owns a branch bank somewhere in South America, but the company never seems to have found exactly where it is! Not much of an asset, is it? 81. SOUTH AMERICA 82. I'll have the Welser documents located and sent here by tomorrow! Excuse me while I inform our owner of the sale! 83. Fine... see you then! 84. This is your Nuremburg branch, sir! I just sold a worthless bank to a wacky American tycoon! 85. Superb! Who? 86. One Scrooge McDuck! 87. What?!! No! Stop!!! 88. FLINTHEART GLOMGOLD

(*) Tên nhân vật thám tử Sherlock Holmes nổi tiếng của nhà văn người Anh chuyên viết truyện trinh thám Arthur Conan Doyle (1859-1930)

https://tieulun.hopto.org

89. >Ực!< Nhưng... quá... muộn rồi, thưa ngài Glomgold! Đã ký giấy bán rồi!

90. Gừừừ! Vậy hãy tìm cách trì hoãn việc đưa tài liệu cho lão cho tới khi ta bay sang Nuremburg!

91. Lão McDuck hẳn phải biết điều gì đó nếu không thì đời nào lão chịu mua một công ty vô giá trị! Mình nên nghĩ cách làm sao có thể lấy lại nhà băng quý báu của mình từ tay lão già xấu xa đó thì hơn!

92. VÈO!

93. Chiều hôm sau...

94. Vậy ra tất cả những gì còn lại của nhà băng Welser đầy uy quyền là cái hộp tài liệu cũ kỹ kỳ cục này sao?

95. Phải, chỉ có vậy...

96. ...nhưng cái mũi già dặn kinh nghiệm tìm vàng của ta cho biết — ta đang lần theo dấu vết của một điều to lớn!

97. Ta không thể chờ được nữa! Hãy vô trỏng và mở cái hộp này ra!

OTTO 'S BIERGARTEN

98.

99. Trong này ghi "Hiến chương đất của nhà băng Welser ở Tân Granada"!

100. Đây là Hiến chương hoàng gia do thống đốc của nhà vua ký, nên vẫn còn giá trị!

101. "Tài sản — chứng thư sở hữu thành phố Omagua! Người gửi — Ba Vua của Omagua!"

102. Chuyện càng ngày càng ly kỳ!

103. Như món mù-tạc Dusseldorf vậy!

104. "Do Jiménez de Quesáda, Nicolaus Federmann và Sebastian de Belalcázar ký"... và đó là tất cả những gì đựng trong hộp!

105. Kiểm tra những tên đó trong Cẩm nang Hướng đạo sinh đi!

106. Nó luôn được hoàn thiện hơn! Đó là ba người có liên quan đến thời điểm kịch tính nhất trong cuộc thám hiểm tân thế giới!

Hay lắm, nàààoo đọc tiếp đi!

107.

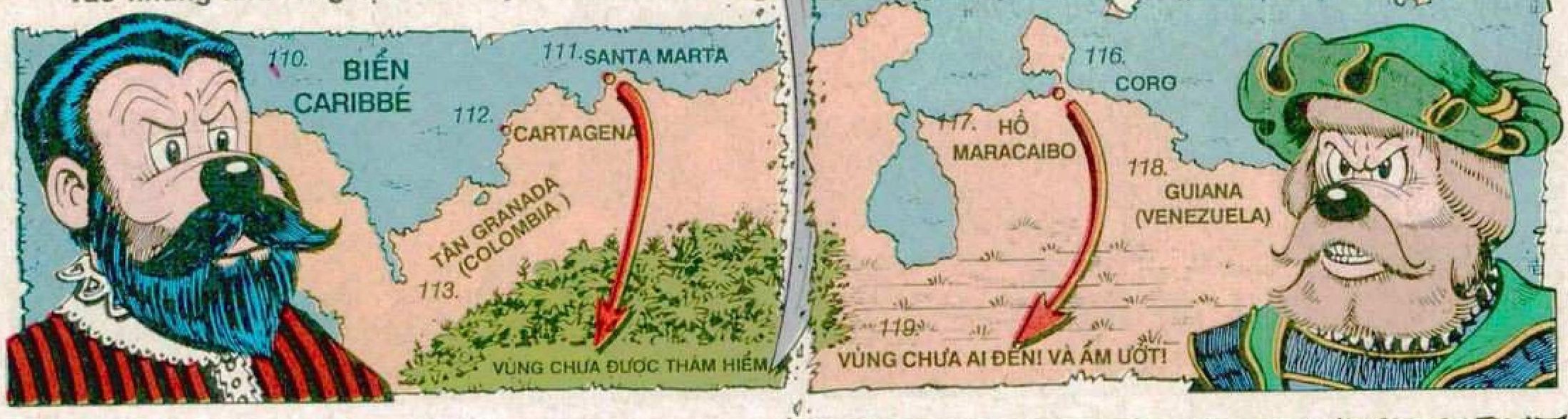
108. ?

89. >Gulp!< But it's... er... too late, Herr Glomgold! The papers are signed! 90. Grrr! Then delay delivering the documentation to him until I can fly to Nuremburg! 91. McDuck knows something or he'd never buy a worthless company! I'd better see how I can get my precious bank back from the old wretch! 92. ZOW! 93. The next afternoon — 94. So, all that's left of the mighty House of Welser is that fancy old document case! 95. Yes, that's all... 96. ...but my old sourdough snoot tells me I'm on the trail of something big! 97. I can't wait! Let's step in here and open this case! 98. OTTO'S BIERGARTEN 99. This says "Charter of the Welser Bank of New Granada"! 100. That's a royal charter signed by the King's governor, so it's still valid! 101. "Assets — the deed to the city of Omagua! Depositors — The Three Lords of Omagua!" 102. The plot thickens! 103. Like Düsseldorf Mustard! 104. "Signed by Jiménez de Quesáda, Nicolaus Federmann and Sebastian de Belalcázar"... and that's all the box contains! 105. Check those names in the Junior Woodchucks Guidebook! 106. This gets better all the time! Those were the three men involved in the most dramatic moment in the exploration of the new world! 107. Well, dooooo read on! 108. ?

https://tieulun.hopto.org

109. "Jiménez de Quesáda — nguyên là luật sư, được bổ nhiệm làm toàn quyền xứ Tân Granada! Nhưng bỏ nhiệm sở năm 1536 để dẫn dắt một đoàn thám hiểm vào những khu rừng rậm mà nay là Colombia!"

115. "Nicolaus Federmann — người của nhà băng Welser, được trao nhiệm vụ trông coi Guiana! Nhưng cũng bỏ nhiệm sở năm 1537 để hướng dẫn một đoàn thám hiểm vào những vùng đầm lầy mà nay là Venezuela!"



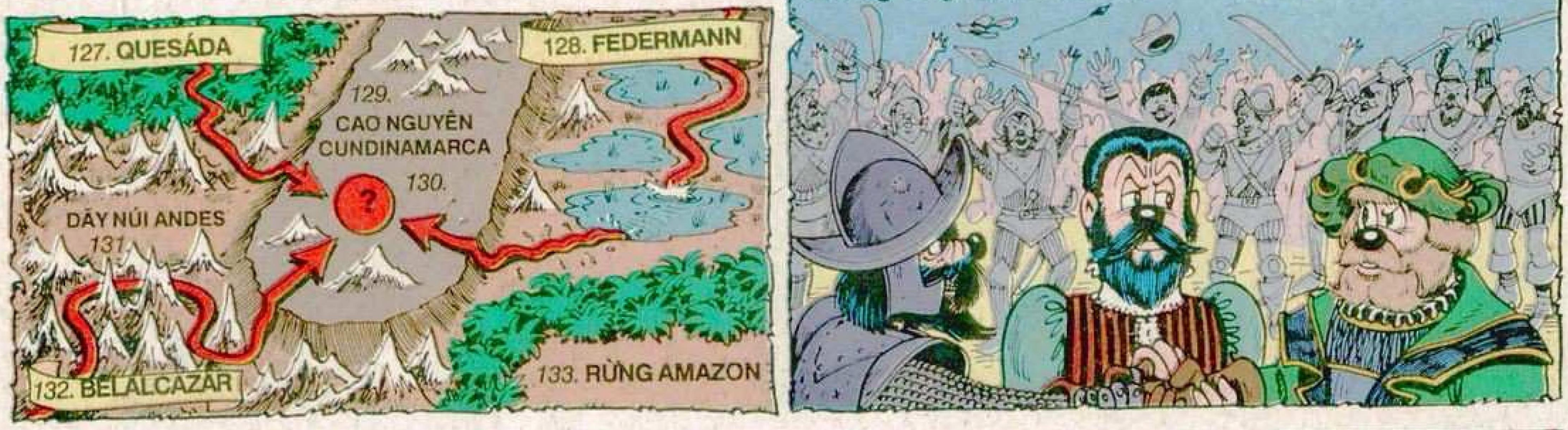
120. " Sebastián de Belalcázar - chỉ huy tối cao của Pizarro trong cuộc chinh phạt người Inca! Pizarro sai ông đi chinh phạt Equador, nhưng ông cũng vậy, bỏ chức vụ năm 1537 và dẫn quân lính trốn vào vùng núi!"

125. Mỗi đoàn thám hiểm phản bội đều đi gần ngàn dặm đường qua những vùng đất khắc nghiệt nhất chưa ai đặt chân tới! Nhóm nào cũng không hề biết sự có mặt của hai nhóm kia!"



126. "Tuy vậy, vào tháng 2 năm 1539, cả ba đoàn cùng lúc gặp nhau ở nơi mà mỗi nhóm đã nghĩ là mục tiêu bí mật của riêng mình — Omagua, trên cao nguyên Cundinamarca!"

134. Lịch sử không cho biết ngày hôm đó đã đạt được thỏa thuận nào, nhưng sau đó thì ba vị chỉ huy cùng giương buồm về nước để báo cáo khám phá của họ với những ông chủ châu Âu!"









109. "Jiménez de Quesáda — a former lawyer, was appointed governor-general of New Granada! But he deserted his office in 1536 to lead an expedition into the jungles of what is now Colombia!" 110. CARIBBEAN SEA 111. SANTA MARTA 112. CARTAGENA 113. NEW GRANADA (COLOMBIA) 114. THE UNEXPLORED 115. " Nicolaus Federmann — from the Welser Bank, was placed in charge of Guiana! But he also deserted in 1537 to lead an expedition into the swamps of what is now Venezuela!" 116. CORO 117. LAKE MARACAIBO 118. GUIANA (VENEZUELA) 119. MORE UNEXPLORED! AND WET! 120. "Sebastián de Belalcázar — Pizarro's top captain in the conquest of the Incas! Pizarro sent him to conquer Equador but he, too, deserted his post in 1537 to lead his army off into the mountains!" 121. PACIFIC OCEAN 122. STILL MORE UNEXPLORED!! DARN COLD, TOO! 123. EQUARDO 124. QUITO 125. Each renegade expedition travelled nearly a thousand miles through the harshest unexplored terrain! Each was unaware of the existence of the two other groups!" 126. "Yet, in February 1539, the three expeditions met simultaneously at what they'd each thought was their private secret objective on the high Cundinamarca Plateau — Omagua!" 127. QUESÁDA 128. FEDERMANN 129. CUNDINAMARCA PLATEAU 130. ? 131. ANDES MOUNTAINS 132. BELALCÁZAR 133. AMAZON JUNGLE 134. "History does not know what bargain was struck that day, but the three leaders later sailed together to report their discovery to their European masters!" 135. And my plaque tells the location of his "Omagua"! 136. Dewey, look up what "Omagua" means! 137. Uh-oh! Huey... Louie... get a good grip on Unca Scrooge! 138. Wooooo boy... this is gonna be good, eh? 139. I'll say! "Omagua" was the original Indian name for the lost city of gold — Eldorado! 140. TWANG!

https://tieulun.hopto.org

141. Tìm chút thuốc muối đi ! Bác Scrooge ngất xỉu rồi!

142. **Cô bồi bàn ơi!**

143. Xin lỗi, thưa ngài:.. cô ta cũng bị xỉu rồi!

144. (tiếng Đức)

145. Bác khỏe rồi! Đọc tiếp đi!

146. Ui chao! Belalcazar bị bắt ở Tây Ban Nha vì tội bỏ nhiệm sở, còn Federmann bị nhà băng Welser bắt giữ vì lừa đảo! Cả hai đều chết trong tù!

147. Còn gã thứ ba thì sao?

148. Nhà vua cách chức toàn quyền Tân Granada của Quesáda, và tới 30 năm sau ông mới có thể trở lại châu Mỹ cùng với những thành viên của đoàn thám hiểm cũ!

149. Aa! Để đến nơi cất giấu kho tàng của họ!

150. ?

151. Những nhân viên nhà băng Welser đi theo Quesáda, nhưng ông ta không bao giờ dẫn họ tới thành phố vàng! Tuy vậy, ông sống những năm cuối đời ở Bogota, thành phố ông đã sáng lập năm 1538 — như một cự phú kỳ bí!

152. Chắc chắn là ông ta rút về ở gần "nhà băng" bí mật của mình! Bất cứ lúc nào, ông và các đồng sự cũng có thể lẻn vô núi và rút tiền ra! Khá quỷ quyệt, phải không?

153. !!!

CHỤT! 154.

155. Nhưng ta còn thiếu bản hợp đồng giữa những kẻ đồng mưu để chứng tỏ là ta sở hữu thành phố Eldorado, nếu không vàng sẽ thuộc về Colombia!

156. Vậy thì nghe đây — khi Quesáda qua đời vào năm 1579, ông để lại toàn bộ giấy tờ của mình cho nữ tu viện Thánh Toma ở Bogota!

157. **A HA!**

158. **Đi Bogota!!!**

159. Tốt thôi, cô chủ ạ, nhưng cô có thể cho tui chút bánh qui giòn hơn trước khi đi không?

141. Get some smelling salts! Unca Scrooge fainted! 142. Waitress! 143. Sorry, mein herr... the waitress has also fainted! 144. Vas ist los mit der pretzels? 145. I'm okay! Keep reading! 146. Wow! Belalcázar was arrested in Spain for desertion, and Federmann was arrested by the Welser for fraud! They both died in prison! 147. What about the third guy? 148. The king removed Quesáda from his governorship of New Granada, and it was 30 years before he could afford to return to America with members of his old expedition! 149. Ah! To get their treasure trove! 150. ? 151. Quesáda was followed by agents of the Welser, but he never lead them to a city of gold! However, he lived the rest of his life as a mysteriously wealthy man in Bogota, a city he founded in 1538! 152. He retired near his hidden "bank", no doubt! He and his men could sneak into the mountains and make "withdrawals" whenever they wanted! Pretty sly, huh? 153. !!! 154. KISS! 155. But I still need the missing contract between the conspirators to prove that I own Eldorado, or the gold will belong to Colombia! 156. Then get this — when Quesáda died in 1579, he willed all his papers to the convent of Santo Tomas of Bogota! 157. AHA! 158. To Bogota!!! 159. Das ist gut, fraulein, but could you get some fresh pretzels before you go?

https://tieulun.hopto.org

160. Vài ngày sau, trong một nữ tu viện cổ xưa trên những triền dốc của cao nguyên Cundinamarca phía trên Bogota...

161. Xin lỗi, thưa quý ngài — chúng tôi không bao giờ cho người ngoài xem kho lưu trữ của chúng tôi!

162. Tại sao vậy, thưa Mẹ Bề Trên?

163. Vì sách có viết rằng vào năm 1580, một tên trộm cải trang đã ăn cắp một thánh tích bằng vàng mà nhà sáng lập vĩ đại thành phố Bogota đã giao phó cho chúng tôi!

164. Cháu dám cá tên trộm này là nhân viên nhà băng Welser! Nó đánh mất món đồ cướp được khi tàu Dukatenese bị chìm!

165. Phải...

166. Thưa Mẹ Bề Trên, con có một ý kiến! Nếu con trả lại thánh tích này thì sao ạ?

167. Ơn phúc của Chúa! Thẻ bài của Quesáda!!! Chúa ban phúc cho ông! Dĩ nhiên là kho lưu trữ mở rộng cửa cho các ông đó!

168. Cám ơn!

169. Bác Scrooge ơi, bác rộng rãi khác với bình thường quá! Dù sao món đồ đó cũng là của bác theo quyền hưởng tài sản thu hồi được mà!

170. Đó chính là lý do làm bác muốn xỉu đây! Nhưng bác mong là sẽ được đền bù!

171. Và thế là bắt đầu một cuộc tìm kiếm qua sách vở và giấy tờ đã bị bụi bặm bao phủ từ gần bốn thế kỷ!!!

172. Tiền cho nhà nghèo trong năm 1563... biên lai đèn cầy năm 1599... Aha!

173. Gì? Cái gì đó?

174. Một con nhện từ năm 1587! Dễ thương quá hả?

175. Đúng vậy!

176. Mấy cháu đang làm gì vậy?

177. Có lẽ tụi cháu tìm ra được cái gì đó! Tụi cháu thấy mấy cuốn sách dày có ghi "Quesáda"!

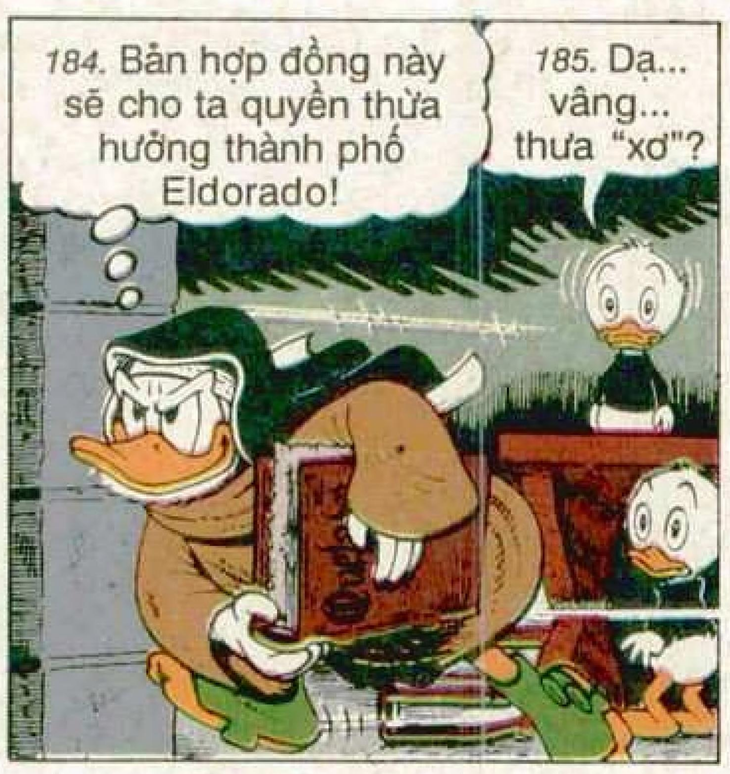
178. Ê! Bản viết trên giấy da này là gì đây?!

160. Several days later, in an ancient convent on the crags of the Cundinamarca Plateau above Bogota — 161. I am sorry, señor — we never allow outsiders to view our archives! 162. Why is that, Mother Superior? 163. Because it is written that in 1580 a thief in disguise stole a golden relic entrusted to us by the great founder of the city of Bogota! 164. I'll bet that thief was an agent of the Welser! He lost his booty when the "Dukatenesel" sank! 165. Yes... 166. I have an idea, Mother Superior! What if I return that very relic? 167. Madre di dios! The Quesáda plaque!!! Bless you señor! Of course the archives are open to you! 168. Gracias! 169. That was unusually generous of you, Unca Scrooge! After all, that golden geegaw was yours, by right of salvage! 170. And that's why I feel faint! But I hope it'll pay off! 171. So begins a search through books and papers covered with the dust of nearly four centuries!!! 172. Poor box donations from 1563... candle receipts from 1599... Aha! 173. What? What is it? 174. A spider from 1587! Cute, huh? 175. Precious! 176. How are you kids doing? 177. We might have something! We found some thick books marked "Quesáda"! 178. Hey! What's this parchment?!

https://tieulun.hopto.org





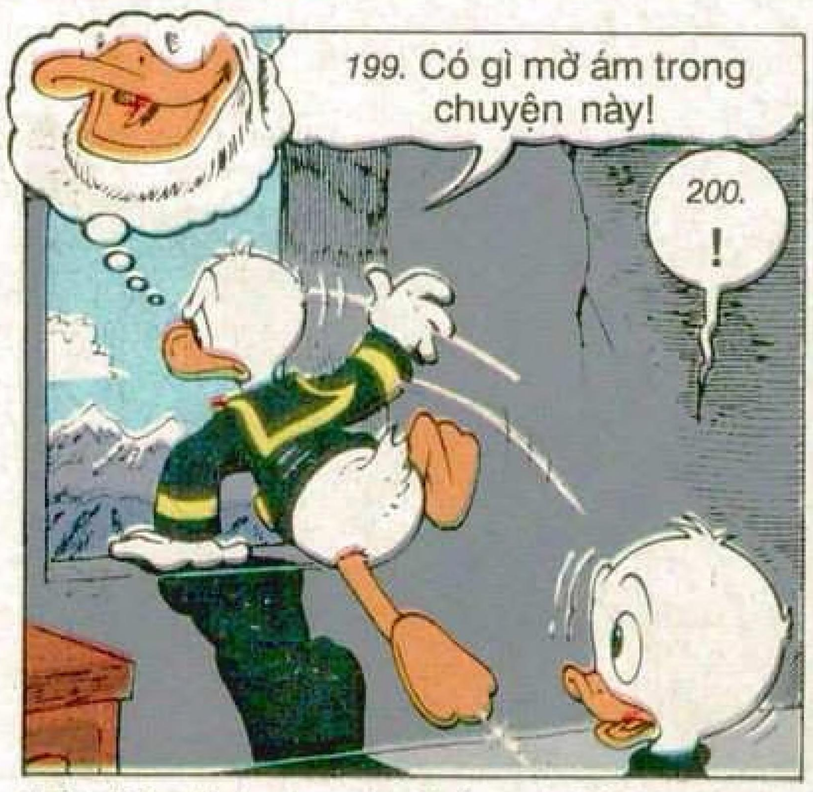














179. "Capitulacion de Eldorado"!!! It's the contract! 180. Unca Scrooge!!! 181. Oh, I am sorry! The library is closing for today! Come again! 182. ZOW! 183. SLAM! 184. This contract will give me a claim on Eldorado! 185. Er... yes... sister? 186. What the — 187. Your study-hall time is all run out, ducky boy! Toodle-oo! 188. Bwah-ha-ha-ha-ha-haaaa! 189. !!!! 190. BOING! 191. BOING! 192. SWISH! 193. What the Sam Hill was that all about?! 194. My guess is they're giving the convent girls too much of that 100% Colombian coffee! 195. Unca Scrooge! We found the contract! 196. Where? 197. That... er... nun took it! 198. Hm... 199. Something is fishy about this! 200. ! 201. Hey — you with the beard! I don't know what you're up to in that disguise, but hand over that book! 202. >GASP!< 203. BIFF! 204. SOK!

(*) Colombia là một trong những nước xuất khẩu cà-phê nhiều nhất thế giới, nổi tiếng với chất lượng cà-phê ngon.

https://tieulun.hopto.org

205. Ồ không! Chuyện này chắc phải xảy ra một ngày nào đó!
206. Chú Donald của tụi mình — đánh nhau với một nữ tu!
207. U-ô! Mẹ Bề Trên ơi!
208. Ô không, không, đây không phải là cô gái của chúng tôi! Họ học thế đánh trong lớp Judo hay hơn như vầy nhiều! Đây là một kẻ giả mạo rồi!
209. Hừm...
210. BỐP! BỊCH!
211. Trả lại ta cuốn sách nếu không ta sẽ...
212. BỐP!
213. Đó đâu phải là "xơ"! Nó là một tên trộm cải trang đó!
214. Lại nữa! > Ôôôi! < Cứ 400 năm là lại như vậy!
215. Nhàm chán quá hả?
216. Hắn lấy được hợp đồng thành phố Eldorado rồi!
217. Khỉ thật! Cái thằng nhỏ ngớ ngẩn đó chạy mau quá ta!
218. Dừng lại! Đồ ăn cắp!
219. Đây là cơ hội duy nhất của mình!
220. Ực!
221. Úi!
222. Tóm được rồi!
223. BỘP!
224. Gừừừ!
225. Bác Scrooge! Cháu lấy được hợp đồng rồi!
226. Bất kể thế nào, ta không thể để Mc Duck có bản hợp đồng trong tay!
227. BỤT!
228. ÁÁÁ!
229. KÉT!
230. !
231. RẸẸẸẸT...

205. Oh, no! It was bound to come to this someday!
206. Our Unca Donald — in a fight with a nun!
207. Uh-oh! Mother Superior!
208. Oh, no, no, that's not one of our girls! They learn much better style than that in their Judo classes! That's an impostor!
209. Hmm...
210. BAM! WHACK!
211. Give me that book, or I'll —
212. WONK!
213. That's no nun! It's a thief in disguise!
214. Not again! >Sigh!< Every 400 years it's the same thing!
215. Monotonous, eh?
216. That thief has the Eldorado contract!
217. Drat! That young twit is too fast for me!
218. Stop! Thief!
219. This is my only chance!
220. >Gulp!<
221. >Wuf!<
222. Gotcha!
223. FLOP!
224. GRRR!
225. Uncle Scrooge! I got the contract!
226. No matter what, I can't let Mc Duck get his hands on that contract!
227. CHOP!
228. Yikes!
229. CREEEAK!
230. !
231. RIIIIIPPPP...

https://tieulun.hopto.org

232. Uuii!
233. BỤT!
234. Cú! Tu phả là gì bây giờ? Cú! (*)
235. Kinh khủng quá! Cháu ơi... nắm chặt nhe! Bác đến đây!!!
236. Khoan đã! Bác Scrooge! Bác không thể...
237. Ối! Ối! Ui! Ui! Aaa!
238. Ráng lên, cháu... ráng lên!
239. Ai da! Bá Scrj! Bá gít cháo (**)! Hừừ!
240. Chỉ vài bước nữa thôi, cháu ạ, và mọi sự sẽ ổn thôi mà!
241. Đó! >Phù!< Suýt chút nữa!
242. Tốt hơn mấy cháu nên nghĩ ra điều gì đi! Bác cá là cánh tay của chú Donald đang rã rời kìa!
243. Tụi cháu đang lo đây chứ!
244. Khoan đã! Mình đã không tính đến sự tương tác của lực căng dây đối với trọng lượng!
245. Đúng rồi! Mau lên — vẽ lại đường sin đi!
246. Ơ... ồ!
BỤT!
247.
248. Ực! Mong là ta đập vào phần mềm của tảng đá!
249. VÈO!
250. Được rồi! Nếu chú Donald bỏ đầu dây kia ra, chú sẽ đập vào vách đá ở đây!
251. Mình cần vài thứ đồ đệm, một cái thước dây...
252. ?
253. BỐP!
254. Ô không! Tiếng gì kinh khủng vậy?
255. Trễ quá rồi! Chú Donald đã rơi xuống vực!

(*) Cứu! Tui phải làm gì bây giờ? Cứu!
(**) Ai da! Bác Scrooge! Bác giúp cháu!

232. >Oog!<
233. SNAP!
234. Hllp! Wht du ah du nw! Hlp!
235. Horros! Nephew... hold on! I'm coming!!!
236. Unca Scrooge! Wait! You can't —
237. Ow! Ow! Og! Uh! Arg!
238. Steady, nephew... steady!
239. Gah! Uncl Scrj! Yr kilin mih! Hry!
240. Just another few feet, nephew, and everything will be all right!
241. There! >Whew!< That was close!
242. You kids better think of something! I'll bet Donald's arms are hurting like all-get-out!
243. We're already working on it!
244. Wait! We didn't calculate the co-efficient of rope stretch due to mass!
245. Right! Quick — reinterpolate that sine curve!
246. Uh-oh!
247. SNAP!
248. >Gulp!< I hope I hit a soft section of rock!
249. ZOW!
250. Got it! If Unca Donald let's go of the other rope, he'll impact here on the cliff!
251. We need some padding, a tape measure...
252. ?
253. WHUMP!
254. Oh, no! What was that awful sound!?
255. It's too late Unca Donald fell into the chasm!

https://tieulun.hopto.org

256. Tớ... tớ không thấy gì cả! Chú ấy đập vào đâu vậy?

257. Cạy chú của tụi cháu ra khỏi con lạc đà đó trong lúc ta trở về tu viện để nghiên cứu bản hợp đồng này!

258. Ưưư!

259. Lát sau...

260. Điều đầu tiên các nhà thám hiểm nhất trí làm khi họ bất ngờ gặp nhau ở thành phố Eldorado là tống khứ dân da đỏ Chibcha và vua của họ, người Đàn ông Mạ vàng...

261. ...đến Guiana thuộc Anh!

262. Sao cháu biết như vậy?

263. Không có gì... đọc tiếp đi!

264. Cả ba đều có tội danh đào nhiệm, nên họ biết rằng yêu sách của họ về số vàng sẽ không được tôn trọng — trừ khi họ tạo thế "chân vạc"!

265. **"Federmann, chuyên viên ngân hàng, lập ra nhà băng Welser ; Quesadá, luật sư, soạn ngay một chứng từ hợp pháp ; và Belalcázar, người chinh phục, ra lệnh cho binh lính hợp tác với nhau!"**

266. Một nhân viên ngân hàng, một luật sư, một người lính! Nhóm này hay à! >rùng mình<

267. Họ tự xưng là vua của thành phố và là chủ nhân của số vàng gửi trong nhà băng! **Tuyệt thật!**

268. Nhưng giờ thì ta sở hữu nhà băng, ta cũng sở hữu luôn số vàng đó!

269. Bác đã bỏ qua một chi tiết nhỏ — bác còn phải tìm ra cái "ngân hàng đã mất tích" của mình nữa!

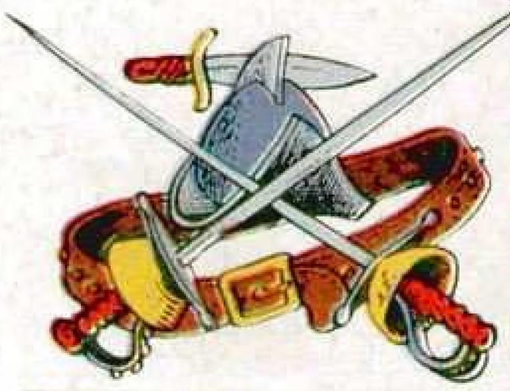
270. Cái thẻ bài vàng đã nói cho chúng ta điều đó! "Ở nơi cao nhất của các hồ linh thiêng!"

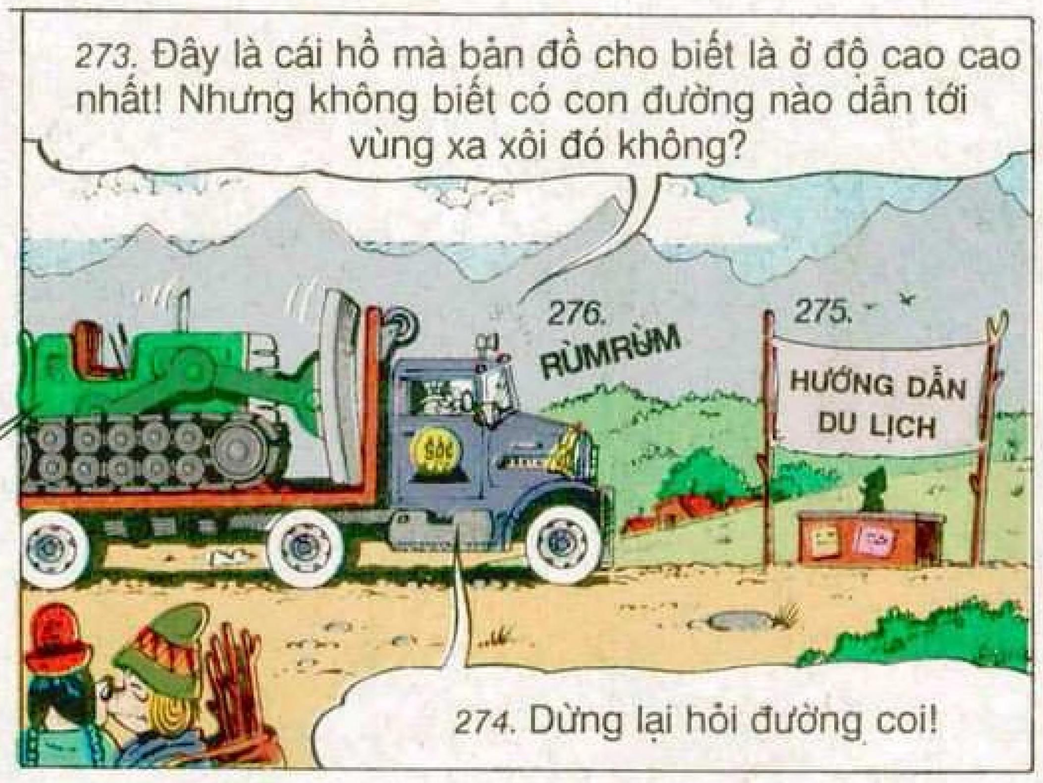
271. Chúng ta sẽ mướn một số thiết bị đào xới trong thành phố, và nơi dừng chân kế tiếp sẽ là — **Eldorado!!!**

256. I... I don't see anything! Where did he hit?
257. Pry your uncle out of that llama while we head back to the convent and examine this contract!
258. >mhf!<
259. Shortly—
260. The first thing the explorers agreed to do when they met unexpectedly at Eldorado was drive off the Chibcha Indians and their king, the Gilded Man...
261. ....to British Guiana!
262. How do you know that?
263. Never mind... keep reading!
264. All three men were guilty of deserting their posts, so they knew their claim on the gold might not be honored—unless they had an angle!
265. "Federmann, the banker, established a Welser bank; Quesáda, the lawyer, wrote up a legal charter; and Belalcázar, the conquistador, ordered the soldiers to cooperate!"
266. A banker, a lawyer and a soldier! Wotta team! >Shudder!<
267. They named themselves the lords of the city and owners of the gold deposited in their bank! Brilliant!
268. But now I own the bank, I also own the gold!
269. You've overlooked on small detail — you still need to find your lost "bank"!
270. That gold plaque told us that! "At the highest of the sacred lakes!"
271. We'll rent some digging equipment in town, and our next stop will be—Eldorado!!!

https://tieulun.hopto.org

272. **Sáng hôm sau, một chiếc xe tải nhét đầy vịt và xe ủi lăn bánh rời Bogota — nhưng còn lâu mới tới con đường chính dẫn đến thành phố vàng!**

















272. The next morning, a duck-laden truck and bulldozer trundles out of Bogota — but not quite yet on the high-road to the city of gold! 273. Here's the lake on the map shown as highest in altitude! But is there a road to that remote region? 274. Stop there for directions! 275. TOURIST GUIDE 276. RMRMRMRM 277. Buenos dias, amigo! Can you direct us to Lake Teusacá? 278. So! Lake Teusacá, is it? 279. Teusacá? You gringos must be chasing after that silly golden city! Everyone in Colombia knows that's only a legend! 280. Ho ho ho! It is to laugh! 281. My advice to you, gringo, is to sell whatever bank... er... treasure map you must have bought back to the crook who sold it to you!! I uuuurge you! 282. HEY! 283. When you offered to watch my stand while I grabbed a burger, you didn't say you were gonna horn in on my territory! Scrambo! 284. Aha! Some gringo treasure hunters, I see! I have just the 100% authentic treasure maps you need! 285. Hmm... 286. MAPS TO LOST TEMPLES! 287. You'll love this! A visitor's guide to the seven cities of Cibola! 288. Tried that! Couldn't find even one suburb of any Cibola! 289. You're in luck! Today's special — the hidden gold mines of the Incas! 290. Been there! Done that! 291. No, we're looking for Eldorado! 292. Oho! The Gilded Man himself! I have his home address in... in... British Guiana! 293. Forget it! Just tell us which way to Lake Teusacá! 294. EL PHONO BOOKO

https://tieulun.hopto.org

295. Teusacá? Bọn cao bồi các anh chắc đang theo đuổi cái thành phố vàng ngớ ngẩn ấy! Mọi người ở Colombia đều biết đó chỉ là truyền thuyết thôi!

296. Hô hô hô! Tức cười quá đi!

297. **Không sao!** Ta sẽ tự tìm ra cái hồ ngớ ngẩn đó! Donald, hãy vứt cuốn sách trên mặt cháu và bắt đầu lái đi! >Khẹc!<

298. ĐẶC BIỆT! BẢN ĐỒ THẬT LẠC GIÚP TÌM KHO TÀNG! GIÁ RẺ!

299. Núi non lởm chởm cao ngất và vực sâu thăm thẳm cũng không cản được đường đi của Scrooge McDuck đến Eldorado! Vài ngày sau của chuyến đi, chúng ta gặp lại bác cháu nhà vịt trong dãy núi Andes (nhưng chưa bị lạc), lăn bánh qua những triền núi sắc cạnh và cao ngất của miền đông Cordillera...

300. BÌNH BỊCH!

301. Trong lúc đó, tít trên cao...

302. **Lão Scrooge khốn khổ!** Địa thế này quá nguy hiểm đối với chiếc xe tải kềnh càng như vậy! Vì bất cứ lúc nào một tảng đá khổng lồ cũng có thể rơi xuống và hất chúng ra khỏi rìa núi ngay!

303. GLOMGOLD ENT.

304. Ô không! Trời ơi! Nhìn kìa! Thật khủng khiếp!

305. Ta đã >hự!< đúng!

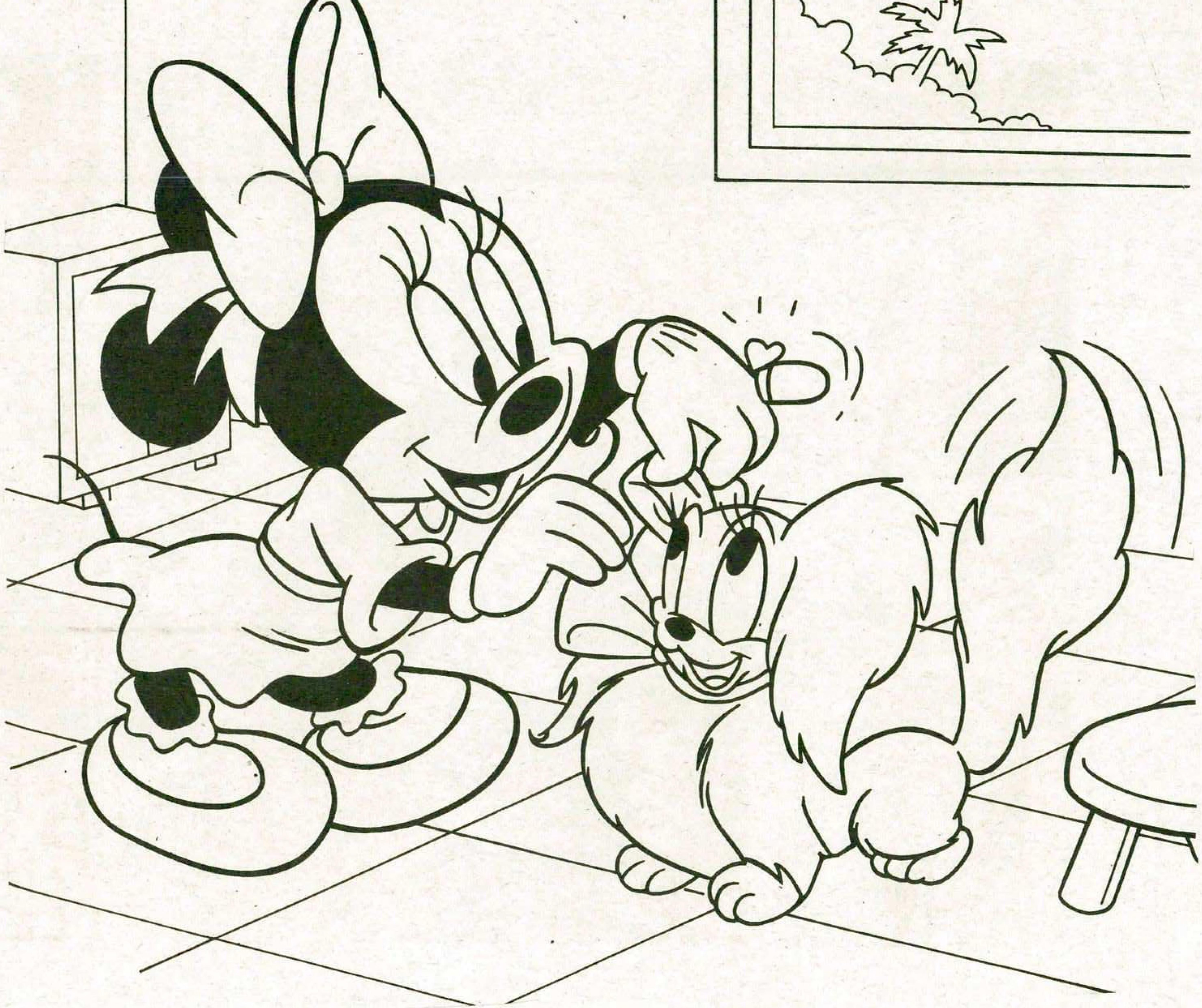
306. GLOMGOLD ENT.

295. Teusacá? You gringos must be chasing after that silly golden city! Everyone in Colombia knows that's only a legend!
296. Ho ho ho! It is to laugh!
297. Never mind! I'll find the stupid lake myself! Donald — wipe that book off your face and start driving! >Snort!<
298. SPECIAL LOST MAPS TO FOUND TREASURES! CHEAP!
299. The highest sierra and deepest barranca are not enough to bar Scrooge McDuck's road to Eldorado! Several days travel finds the ducks again in the Andes (but not yet lost), trundling over the lofty spine of the Cordillera Oriental —
300. CHUG CHUG CHUG
301. Meanwhile, high above —
302. Poor Scroogey! That's very dangerous terrain for such a huge truck! Why, at any moment, a giant boulder could fall and knock them right off the ledge!
303. GLOMGOLD ENT.
304. Oh, no! Oh my gosh! Look at that! Horrors!
305. I was >ungh!< right!
306. GLOMGOLD ENT.

(Xem tiếp tập 62)

https://tieulun.hopto.org

Ôi! Để chị thắt nơ cho cưng! Các em hãy tô màu tranh theo ý thích.



https://tieulun.hopto.org

GOOFY

Cô bé Người Tuyết

Người dịch: VĂN THẮNG







1. Excuse me... have you seen muh cousin Betty? I've never met her before, but she said she'd wear a big red hat!
2. Maybe she's getting her luggage from one of the back cars!
3. DUCKBURG
4. SEE THE MAN-APE! LIVE CAPTURED YETI!
5. Durn! There shore are lots of people here! I hope I can find her!
6. There he is! Over there! Hurry up, he's going to talk!
7. >Ulp!<
8. Yes, gentle men and women of the press, it is true! I, Victor Victorious, have single-handedly captured the fabled abominable snowman, also known as the Yeti!
9. Gawrsh! How excitin'! But I better keep lookin' for Betty!

https://tieulun.hopto.org

10. Nói tới Betty...

11. Mình nên tìm ra cái giỏ của mình cho lẹ! Mình không muốn lỡ cuộc gặp ông anh họ Goofy!

12. À! Đây rồi!

13. Vẫn chẳng có dấu hiệu nào của Betty cả, vậy mà gã hướng dẫn kia nói xe chở hành lý đi lối này!

14. Một chiếc mũ đỏ! Phải cô đó không, Betty? Tui đây... Goofy đây!

15. Kh...ẹt ?

16. Chời ơi! Tôi cũng rất vui khi gặp cô, Betty ạ!

17. Betty, cô biết đấy, tui có nghe nói tới hạng vé tiết kiệm, nhưng như thế này thì tức cười thật!

18. Các bạn ạ, lối này dẫn tới chỗ Người Tuyết nè! Chắc chắn các bạn sẽ phải kinh ngạc cho mà xem!

19. Ông anh họ Goofy ở đâu ta? >Ôi!<

10. Speaking of Betty —
11. I'd better find my bag quickly! I don't want to miss meeting my cousin Goofy!
12. Ah! Here it is!
13. Still no sign o' Betty, but that conductor fella said the baggage cars were this way!
14. A red hat! Is that you, Cousin Betty? It's me — Goofy!
15. Urg-eeta?
16. Gawrsh! It's nice ta meet you, too, Betty!
17. Ya, know, Betty, I've heard of traveling economy class, but this is ridiculous!
18. Right this way to the Yeti, my friends! I'm certain you'll all be astounded!
19. Where could cousin Goofy be? >Sigh!<

https://tieulun.hopto.org

20. Ôi! Con quái thú bằng cách nào đó đã xổng chuồng mất rồi!
21. Tránh ra! Người Tuyết xổng chuồng là một tin lớn đây!
22. Trong khi đó...
23. Tui có thể hiểu được vì sao cô cứ nhìn quanh như vậy, Betty ạ! Đi xa nhà chắc chắn là lạ rồi!
24. Ggừ!
25. Ấy! Phong cách của mình để đâu vậy? Hẳn cô phải đói lắm sau chuyến đi dài đó!
26. Chúng ta sẽ ngồi vào bàn ngay bây giờ và ăn một chút!
27. Khọt ?
28. TIỆM ĂN NHẸ
29. Cô biết đấy, khi gặp cô, tui đã nghĩ về cô khác xa kìa!
30. Nhưng bây giờ tui nhận thấy chúng ta có rất nhiều điểm tương đồng! Ực!
31. Nó chưa thể chạy xa được! Chắc chắn tôi có thể tìm được nó mà không cần đến sự giúp đỡ của cảnh sát địa phương!
32. TIỆM ĂN NHẸ

20. My word! The beast has somehow escaped!
21. Gangway! An escaped Yeti is big news!
22. Meanwhile —
23. Ah kin understand you lookin' around like that, Betty! It shore must be strange bein' so far from home!
24. Grrowl!
25. Hey! Where are muh manners! You must be starved after that long trip!
26. We're gonna sit down right now and have ourselves as bite!
27. Ugh?
28. LA PETITE EATERY
29. Ya know, cousin, when I saw you, I thought maybe you were kinda different!
30. But now I see we got a lot in common! Yum!
31. It couldn't have gone far! I'm certain I can find it without the help of the local police!
32. LA PETITE

https://tieulun.hopto.org

33. Trời ạ, nó kìa! Lại còn đang ngồi ăn như heo với gã lạ mặt kia nữa chứ!

34. Bình tĩnh nhé, anh bạn! Tôi, Victor Người Chiến Thắng, đến bắt lại Người Tuyết đây!

35. Ông nói gì? Ông muốn bắt Betty à?

36. Gừ!

37. Đừng tới gần quá! Nó mạnh bằng mười người đấy!

38. Mi ở đâu đến bắt cóc em ta hả, đồ... **đồ bắt cóc!**

39. Cái này sẽ dạy cho ngươi một bài học, đồ bắt nạt to xác!

40. RẦM!

41. Tui rất tiếc về chuyện đó, Betty ạ! Một thành phố lớn như Duckburg này thì đầy rẫy những tên điên!

42. Cười lên nào, ông Người Chiến Thắng!

43. **Thật là nhục nhã!**

33. Heavens, there it is! And it's making a pig of itself with that strange man!
34. Stay calm, citizen! I, Victor Victorious, have come to recapture the Yeti!
35. What'd yuh say? Yuh want ta capture Betty?
36. Grr!
37. Don't come too close! It has the strength of ten men!
38. Where do you get off trying to capture muh cousin, you... you cousin-napper!
39. This'll teach ya, ya big bully!
40. CRASH!
41. I shore am sorry 'bout that, Betty! It's just that a big city like Duckburg's full o' all kinds o' lunatics!
42. Say, cheese, Mr. Victorious!
43. How humiliating!

https://tieulun.hopto.org

44. Tuy vậy ở đây cũng có những thứ rất tốt! Ví dụ như ở chỗ cô chắc không có những cửa hàng bách hóa như vầy đâu!
45. Gừ?
46.
CỬA HÀNG BÁCH HÓA TỔNG HỢP DUCKBURG
47. Chời ui! May là mình hổng giàu có chứ không thì sẽ tiêu hết tiền ở đây mất!
48. Ẹ!
49. Nào, Betty! Tui sẽ chỉ cho cô xem một trong những nơi mà tui ưa thích... khu trò chơi!
50. Ợ! Ợ!
51. Kìa, đằng kia kìa! Vui lắm! Cô sẽ thấy!
52. BONG!
53. RÈÈÈ!
54. ZÍU!
55. COOONG!
56. Chuyện này là nghề của tui, Betty ạ, do vậy đừng cảm thấy khó chịu nếu tui hạ được cô!
57. Íp! Íp!
58. Đúng rồi đó, Betty! Tui là ông thầy khá đấy chứ, hả?
59. COONG KENG!
60. COONG!
61. Trời ơi, Betty! Cô phải hạ tui nặng vậy ha?
62. Íp!

44. But there's good things here too! Like fer instance, bet they don't have malls like that 'un where you come from!
45. Grg?
46. DUCKBURG MAIL
47. Gawrsh! It's a good thing I ain't rich or I'd spend all my money in here!
48. >EEK!<
49. C'mon, Betty! Ah'll show yuh one a muh favorite places — the arcade!
50. Urk! Urk!
51. There, there! It's fun! You'll see!
52. PING!
53. WHIRR!
54. GZAP!
55. CHOOONG!
56. I'm kinda a expert on this one, Betty, so don't feel too bad if I beat yuh!
57. Eeep! Eep!
58. Way ta go, Betty! Guess I'm a pretty good teacher, huh?
59. DING! DING!
60. DING!
61. Gawrsh, Betty! Did yuh have to beat me so bad?
62. Eeep!

https://tieulun.hopto.org

63. Ối chà! Tui nghĩ rằng mình nên vui mới phải vì chúng ta có rất nhiều điểm giống nhau, Betty à!

64. Khẹt !

65. Này, Minnie! Ê, Clarabelle!

66. Tớ muốn hai người gặp cô em họ Betty của tớ! Cô ta rất đặc biệt!

67. Chắc chắn là cô ấy đặc biệt rồi, Goofy, nếu như cô ấy giống cậu!

68. Hả? Cô ta đâu rồi kìa?

69. Có lẽ cô ta đang ở trong nhà vệ sinh đấy!

70. **Cô ấy kìa!**

71. Em họ cậu đó hả?

72. Hơi lông lá, phải không?

73. Khoan đã, Betty! Cô mà nói cho tui biết cô thích leo cây...

74. ...thì tui đã leo đua lên trển với cô rồi! Chời ơi, không có gì tuyệt vời bằng việc anh em ta có quá nhiều điểm giống nhau!

63. Oh, well! Guess I should jest be glad we have so much in common, Betty!
64. Urk!
65. Hey, Minnie! Hey Clarabelle!
66. I want yuh both ta meet muh cousin Betty! She's really somethin' special!
67. I'm sure she is, Goofy, if she's anything like you!
68. Huh?! Now where could she have gotten to?
69. Maybe she's in the powder room!
70. There she is!
71. That's your cousin?
72. A little hairy, isn't she?
73. Wait, Betty! Yuh should have told me yuh like climbing trees...
74. ...I'd of raced yuh up here! Gawrsh, ain't it great we've got so much in common!

https://tieulun.hopto.org

75. Trên kia kìa! Nó đã bắt cái người kỳ lạ kia!

76. Các cậu kêu cảnh sát đi! Tôi sẽ cố cứu ông ta!

77. Ơ... Betty? Cô có biết tên đó không?

78. Chết !

79. Ối!

80. À, bây giờ tui hiểu rồi! Có lẽ hắn ta là bạn trai cũ mà cô không muốn nói chuyện nữa! Tui hiểu rồi!

81. Nào... chúng ta sẽ đi taxi về chỗ tôi!

82. Khọt !

83. TAXI

84. Ê, taxi! Chở chúng tôi về số 5454 đường Squalid!

85. Ối!

86. TAXI

75. Up there! It's captured that strange looking man!
76. You boys call the police! I'll try to save him!
77. Uh... Betty? Do you know that guy?
78. EEEG!
79. Yowlp!
80. Oh, now I get it! He's probably an old boyfriend yuh don't want ta talk to! Say no more!
81. C'mon — we'll take a cab back ta my place!
82. Ook?
83. TAXI
84. Hey, cabbie! Take us to 5454 Squalid Alley!
85. Yow!
86. TAXI

https://tieulun.hopto.org

87. Ông tự lái lấy đi! Tôi chuồn thôi!
88. Chời ơi! Tui biết khu phố của tui khá tệ, nhưng đâu đến nỗi đáng sợ dữ vậy!
89. Chết !
90. Đừng lo chuyện đó, Betty ạ! Tui có cảm giác là cô sẽ thích nhà tui cho mà xem!
91. TAXI
92. Đuổi theo bọn chúng! **Lẹ lên!**
93. **AAA!**
94. Ha ha! Cô giống hệt tui, cô Betty ạ! Tui cũng thích ló đầu ra cửa sổ nữa!
95. TAXI
96. TAXI
97. CẢNH SÁT
98. VRÙÙÙM!
99. KÍÍÍT!
100. YEEG!
101. **!!!**
102. Chời ơi, Betty! Nếu như cô muốn lái thì chỉ cần hỏi tui thôi mà!
103. **Eo ơi!** Nhưng cô có chắc là cô biết lái không?!
104. TAXI
105. KÍÍT!
106. RẦM!
107. CRỐP!
108. HUỲCH!

87. *Drive yourself, Mac! I just quit!*
88. *Gawrsh! I know my neighborhood's kinda bad, but it ain't that scary!*
89. *Yrk!*
90. *Don't worry about it, Betty! I gotta feelin' yuh'll like muh house!*
91. *TAXI*
92. *After them! Quickly!*
93. *ARRK!*
94. *Ha ha! You're just like me, Betty! I like stickin' muh head out the window, too!*
95. *TAXI*
96. *TAXI*
97. *POLICE*
98. *VROOM!*
99. *SCREECH!*
100. *YEEG!*
101. *!!!*
102. *Gawrsh, Betty! If yuh wanted ta drive, all yuh had ta do was ask!*
103. *Yeow! But are yuh sure yuh know how ta drive?!*
104. *TAXI*
105. *SCREECH*
106. *CRASH!*
107. *CRUMP!*
108. *SMASH!*

https://tieulun.hopto.org

109. Úi chà, Betty ơi! Hắn cô là một người mê tốc độ rồi! Nhưng chạy như thế có lẽ hơi nhanh quá đối với cảnh sát Duckburg đấy!
110.
111. CẢNH SÁT
112.
113. ÉO... ÉO... ÉO!
KÍÍÍT!

114. Chét ! Khọt ! Chét !
115. Bộ c...cô không ng...nghĩ là chúng ta n...nên dừng lại nói ch...chuyện với họ à?!
116. TAXI

117. Khẹt ?
118. TAXI
RÂM!
119.

120. Ôi cái nón của tôi! Đây là sự việc tốt lành đầu tiên đến với mình kể từ khi tới thành phố Duckburg này!

121. Xin lỗi, quí bà! Đó là chiếc mũ của em tôi!
122. Goofy?

123. Đây là nón của em! Em là em họ của anh nè! Em là Betty đây!
124. Cô không phải em họ tôi! Kia mới là em tôi!

125. Không, không phải đâu, anh ngốc ạ! Đó là Người Tuyết! **Tuyết sơn nhân!**
126. Hả?!
127. Khọt ! Khọt ! Khọt !

109. Wow, Betty! Yuh shore are one fast cousin! Maybe a little too fast fer the Duckburg Police!
110. TAXI
111. POLICE
112. SCREECH!
113. EEE-EEE-EEEE!
114. URK! OORK! URK!
115. D-d-don't ya th-th-think we oughta s-s-stop and t-t-talk ta 'em?!
116. TAXI
117. Og?
118. TAXI
119. CRASH!
120. My hat! That's the first nice thing that's happened to me since I got to Duckburg!
121. Sorry, lady! That's muh cousin's hat!
122. Goofy?
123. It's my hat! I'm your cousin! I'm Betty!
124. You're not muh cousin! That's muh cousin!
125. No it's not, you dope! That's a yeti! The abominable snowman!
126. Huh?!
127. OOK! OOK! OOK!

https://tieulun.hopto.org

128. Áp sát nó, bà con! Ta sẽ không để con vật đó thoát khỏi tay ta lần nữa đâu!
129. Khọt !
130. Ôi trời!

131. Và rồi, sau một chuyến tham quan thật dễ thương cùng với cô em Betty thật của mình...
132. Vui biết bao khi được biết cô em Betty thật của tôi!
133. Em cũng thấy vui như vậy, anh Goofy ạ!

134. Tạm biệt!
135.
THÀNH PHỐ DUCKBURG

136. Nhìn kìa! Goofy đó!
137. Không hiểu vì sao trông ảnh buồn xo vậy?

138. Vui lên nào, Goofy! Ông Victor Người Chiến Thắng đồng ý đền mọi thiệt hại đã gây ra bởi Người Tuyết đó rồi mà!
139. Và nếu như cậu nhớ cô em Betty thì lúc nào cậu cũng có thể đến thăm cô ấy mà!

140. Ồ, không phải chuyện đó đâu! Ý tớ là tớ thích cô em Betty, phải rồi...

141. ...nhưng thời gian tớ gặp gỡ Người Tuyết mới là niềm vui lớn nhất mà tớ có được! Chúng tớ có rất nhiều điểm tương đồng!

128. After it, men! I won't let that creature escape me again!
129. ERK!
130. Gawrsh!
131. And so, after a lovely visit with his real cousin Betty —
132. It shore was nice getting to know the real you, Betty!
133. It was nice for me too, Goofy!
134. Goodbye!
135. DUCKBURG
136. Look! It's Goofy!
137. I wonder why he looks so sad?
138. Cheer up, Goofy! Mr. Victorious agreed to pay for all the damage done by the yeti!
139. And if you miss your cousin Betty, you can always go visit her!
140. Oh, it's not that! I mean, I liked cousin Betty, all right...
141. ...but the time I spent with that there Yeti was the most fun I've ever had! We had so much in common!

https://tieulun.hopto.org

VỊT DONALD

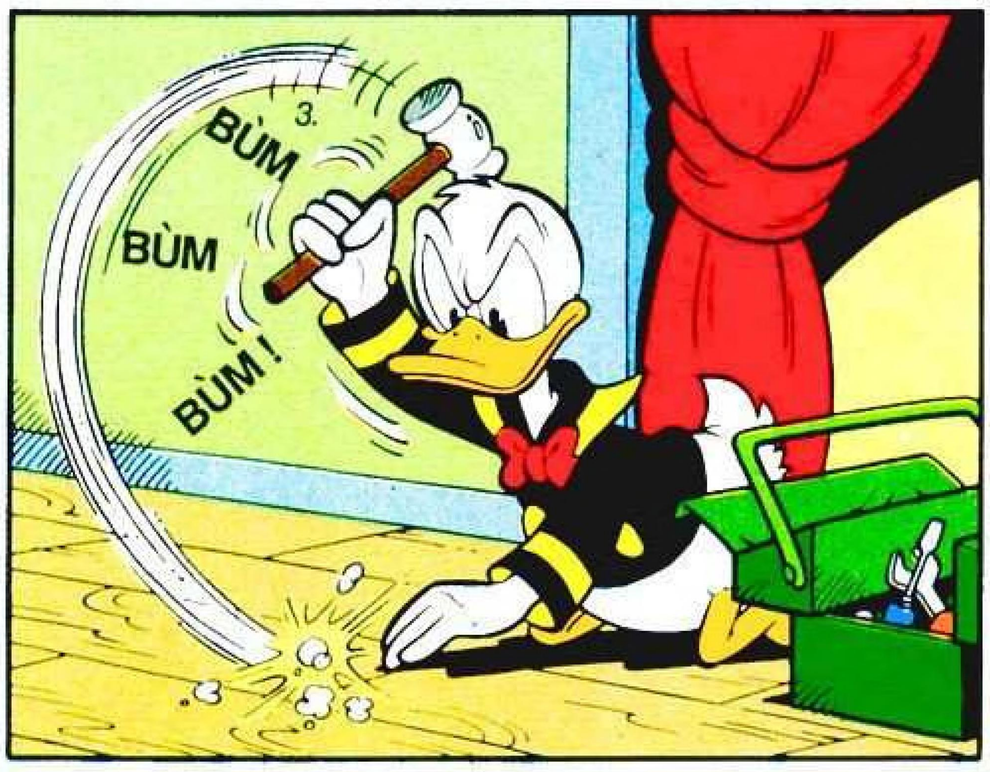
Sửa ván sàn

Người dịch: ĐÔNG QUỲNH













1. *TOCK!*
2. *Dratted loose board! I'll fix you!*
3. *BAM - BAM - BAM!*
4. *There! No more pratfalls!*
5. *You've got to be more careful walking around your toolbox!*

• Chịu trách nhiệm xuất bản: **LÊ HOÀNG** - Giám đốc nhà xuất bản Trẻ • Chịu trách nhiệm bản thảo: **NGUYỄN ĐÌNH NAM** - Phó TBT Thời báo Kinh tế Sài Gòn • Biên tập: **NGUYỄN TRÍ CÔNG** • Bìa 1: **ÂU VIỆT DESIGN**. • In 15.000 cuốn, khổ 20 x 28,5 cm tại Xí nghiệp in Lê Quang Lộc theo số đăng ký KHXB: 1031/31/CXB (ngày 22-11-97) và giấy TNKHXB 15/98/NXB Trẻ. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3-1998.
• Liên hệ quảng cáo: **PHÒNG QUẢNG CÁO TBKTSG**, 35 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TP.HCM. ĐT & Fax: (848) 8295742.
Giá: 3.500 đ

https://tieulun.hopto.org

Các em đón xem truyện tranh

Donald và bạn hữu

© Disney Enterprises, Inc.,
The Saigon Times hợp tác xuất bản
với Nhà Xuất bản Trẻ
Theo hợp đồng li-xăng của Walt Disney
dành cho Saigon Times



Phát hành vào ngày
23-3-1998

Với các nội dung

Hiệp sĩ Goofus

Thì ra Goofy nhát cáy và vụng về của chúng ta lại là hậu duệ của một vị hiệp sĩ dũng cảm - Hiệp sĩ Goofus. Theo di chúc, Goofy sẽ được thừa kế toàn bộ vật dụng lúc sinh thời của hiệp sĩ sau khi hoàn thành các nhiệm vụ đặc biệt gồm: nuôi cá bằng một loại thức ăn do hiệp sĩ Goofus sáng chế và... đấu thương với hậu duệ của Hiệp sĩ Đen! Nuôi cá thì được rồi, nhưng còn đấu thương?! Hơn nữa, hậu duệ của Hiệp sĩ Đen lại chính là gã McGurk Cơ Bắp to con, dữ tợn và hay chơi xấu! Vậy theo các em, Goofy chấp nhận đấu thương hay bỏ cuộc?

Nữ tài xế Daisy

Tuy Daisy hay điệu đàng, đỏng đảnh với Donald nhưng cô ta cũng phải đi làm việc như mọi người. Làm tài xế riêng cho cô Donna Dare, một nhà thám hiểu nổi tiếng, Daisy phải chịu ý cô này quá chừng (đâu được như ở nhà, hơi một tí là bắt nạt Donald ngay!). Chưa hết, chuyến xe hôm ấy Daisy lái chở cô Dare lên núi lại gặp bão tuyết...

Vị vua cuối cùng của vùng đất vàng (Phần cuối)

Lòng đam mê tiền bạc của bác Scrooge thật là... hết ý kiến! Chỉ biết mơ màng về một kho tàng ở tận đâu đâu bác ta cũng quyết chí lên đường, kéo theo Donald, ba đứa nhóc và một đoàn xe cộ máy móc tối tân! Phen này, bác Scrooge nhất định tìm ra Eldorado huyền thoại dù phải san bằng cả dãy núi Andes!!! Chỉ khổ thân Donald! Đường đi núi non hiểm trở mà Donald cầm lái! Biết bao lần họ giáp mặt với tử thần, biết bao lần cả bọn bị treo lơ lửng trên vách núi cao... Đã vậy, lão Flintheart cũng đâu chịu bỏ cuộc. Từng bước đi của nhà Vịt trên các hẻm núi cheo leo của dãy Andes đều có lão bám theo góp thêm phần nguy hiểm cho họ...

https://tieulun.hopto.org